



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

— SỐ THÁNG 04/2026 —



MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 03/2026	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	3
2. Dự báo tăng trưởng	7
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	8
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 03/2026	8
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	8
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	8
1.1.2. Xuất nhập khẩu	9
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	9
1.1.4. Hoạt động đầu tư	10
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	11
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	12
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	12
1.2.2. Lãi suất	13
1.2.3. Tỷ giá	14
1.2.4. Chứng khoán	15
1.2.5. Lạm phát	16
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	17
2.1. Về chủ trương, chính sách	17
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	19
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	20
1. Thị trường dầu thô	20
2. Thị trường khí	30
3. Thị trường phân bón	39
4. Thị trường điện	46
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	49
<i>Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 03 năm 2026</i>	50



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI



1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 03/2026

1.1. Tổng quan chung

Trong tháng 3/2026, kinh tế toàn cầu cho thấy dấu hiệu suy yếu trong bối cảnh bất ổn địa chính trị gia tăng. Môi trường kinh doanh trở nên kém thuận lợi hơn khi chi phí đầu vào tăng trở lại, trong khi tốc độ phục hồi chưa thực sự ổn định.

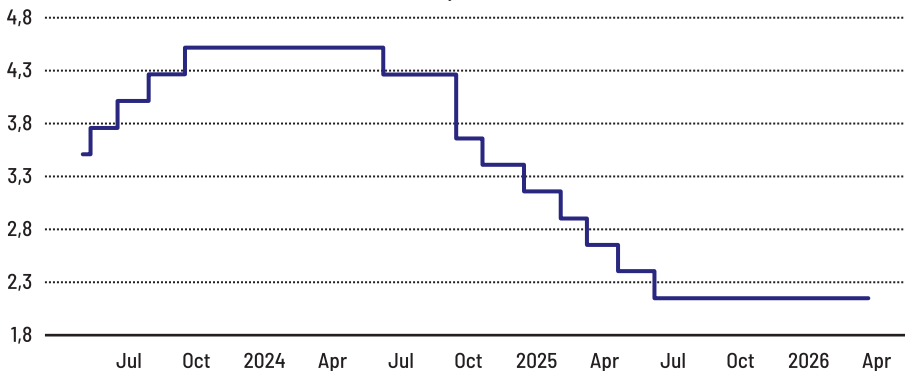
Diễn biến nổi bật trong tháng là sự gia tăng mạnh của giá năng lượng. Dữ liệu thị trường cho thấy giá dầu thô đã tăng từ khoảng 80 USD/thùng lên trên 120 USD/thùng, tương đương mức tăng hơn 50% trong vòng một tháng. Theo các phân tích quốc tế, mức tăng này chủ yếu phản ánh những gián đoạn về nguồn cung và rủi ro địa chính trị, từ đó kéo chi phí sản xuất và vận chuyển tăng theo.

Các chỉ số giá cho thấy áp lực lạm phát có dấu hiệu quay trở lại. Theo IMF, mỗi mức tăng 10% của giá năng lượng có thể làm lạm phát toàn cầu tăng thêm khoảng 0,4 điểm phần trăm, phản ánh mức độ nhạy cảm của nền kinh tế đối với biến động chi phí. Khảo sát doanh nghiệp toàn cầu trong tháng 3 cũng ghi nhận chỉ số giá đầu vào và giá đầu ra đồng loạt tăng, cho thấy áp lực chi phí đang lan rộng.

Về chính sách tiền tệ, các ngân hàng trung ương lớn tiếp tục duy trì lập trường thận trọng. Theo công bố của Fed, lãi suất điều hành được giữ ở mức 3,50% - 3,75% trong tháng 3, không thay đổi so với tháng 2. Tương tự, ECB duy trì lãi suất tiền gửi khoảng 2,0% và lãi suất tái cấp vốn khoảng 2,15%. Diễn biến này cho thấy xu hướng “duy trì lãi suất cao trong thời gian dài” nhằm kiểm soát áp lực lạm phát.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG ECB

Đơn vị tính: %



Nguồn: ECB

Quý I/2026, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) duy trì lãi suất điều hành ở mức 0,75%, sau khi đã nâng từ 0,5% lên mức này vào tháng 12/2025 - mức cao nhất kể từ giữa những năm 1990. Tại cuộc họp ngày 18-19/3, BOJ tiếp tục giữ nguyên lãi suất với tỷ lệ biểu quyết 8-1, trong đó có một thành viên đề xuất nâng lãi suất lên 1,0%. Bước sang đầu tháng 4/2026, lãi suất vẫn được duy trì ở mức 0,75%, trong khi các đánh giá thị trường ghi nhận kỳ vọng về khả năng tiếp tục điều chỉnh tăng trong các kỳ họp tiếp theo, với dự báo lãi suất có thể được nâng lên quanh 1,0%-1,25% trong năm 2026. Diễn biến này có thể góp phần làm gia tăng mật độ lãi suất toàn cầu và ảnh hưởng đến xu hướng dịch chuyển dòng vốn quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh Nhật Bản là một trong những nguồn cung vốn lớn trên thị trường tài chính thế giới.

Hoạt động sản xuất toàn cầu trong tháng 3/2026 có dấu hiệu chững lại. Theo S&P Global, chỉ số J.P. Morgan Global Manufacturing PMI đạt 51,3 điểm, giảm so với 51,8 điểm của tháng 2, cho thấy tốc độ mở rộng sản xuất đang chậm lại dù vẫn trên ngưỡng 50. Các chỉ số thành phần như đơn hàng mới và sản lượng suy yếu, trong khi chi phí đầu vào tăng và thời gian giao hàng kéo dài, phản ánh áp lực từ chi phí và gián đoạn chuỗi cung ứng.

CHỈ SỐ PMI SẢN XUẤT TOÀN CẦU J.P. MORGAN TÍNH ĐẾN THÁNG 03/2026



Nguồn: J.P.Morgan, S&P Global PMI. ©2026 S&P Global

Ngoài ra, theo Reuters, hoạt động thương mại và thị trường tài chính toàn cầu trở nên nhạy cảm hơn với các yếu tố rủi ro, khiến biến động gia tăng và dòng vốn có xu hướng thận trọng hơn. Chi phí logistics tăng và gián đoạn chuỗi cung ứng tiếp tục tạo áp lực lên hoạt động kinh tế.

Theo IMF, kinh tế toàn cầu trong tháng 03/2026 đang đối mặt với trạng thái tăng trưởng suy yếu đi kèm áp lực lạm phát gia tăng. Dù chưa xuất hiện suy thoái rõ rệt, nhưng triển vọng ngắn hạn vẫn tiềm ẩn nhiều bất định và phụ thuộc lớn vào diễn biến của môi trường quốc tế.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

▪ Mỹ

Trong tháng 03/2026, kinh tế Mỹ diễn biến trong bối cảnh chịu tác động đồng thời từ áp lực lạm phát, chính sách tiền tệ thắt chặt và các yếu tố địa chính trị, đặc biệt là căng thẳng tại Trung Đông. Các diễn biến này không chỉ ảnh hưởng đến thị trường năng lượng mà còn tác động lan tỏa đến tăng trưởng và kỳ vọng kinh tế.

Thị trường lao động tiếp tục là điểm tích cực. Theo số liệu công bố đầu tháng 4, nền kinh tế Mỹ tạo thêm khoảng 178.000 việc làm mới trong tháng 3, trong khi tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống 4,3%. Một số nguồn như Axios và The Guardian cho biết tăng trưởng việc làm chủ yếu đến từ lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là y tế. Tuy vậy, số liệu của tháng trước bị điều chỉnh giảm mạnh, cho thấy xu hướng tuyển dụng đang chậm lại và doanh nghiệp có tâm lý thận trọng hơn trong bối cảnh chi phí cao và triển vọng chưa rõ ràng.

Chỉ số PMI ngành sản xuất Mỹ (S&P) trong tháng 3/2026 đạt 52,3 điểm – tăng so với mức 51,6 điểm vào tháng 2/2026, ghi nhận mức tăng trưởng ổn định bất chấp những thách thức từ bối cảnh địa chính trị. Sự gia tăng của chỉ số PMI trong tháng 3 phản ánh sức chống chịu của nền kinh tế Mỹ trước các xung đột quốc tế, cụ thể là tại khu vực Trung Đông.

Sản lượng và đơn hàng mới đều tăng mạnh, trong đó đơn hàng mới đạt tốc độ tăng nhanh nhất kể từ tháng 10/2025, chủ yếu nhờ nhu cầu nội địa vững chắc. Thời gian giao hàng của nhà cung cấp bị kéo dài đáng kể (mức tệ nhất trong 3,5 năm qua) do ảnh hưởng từ các gián đoạn vận tải liên quan đến chiến sự.

Chi phí đầu vào tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 8/2025 do giá năng lượng và nguyên vật liệu leo thang. Điều này dẫn đến việc các doanh nghiệp tăng giá bán đầu ra với tốc độ nhanh nhất trong 7 tháng.

Áp lực lạm phát gia tăng trở lại trong tháng 3, chủ yếu do giá năng lượng tăng mạnh. Theo MarketWatch, giá xăng tại Mỹ đã tiến sát mức 4 USD mỗi gallon, gây áp lực trực tiếp lên chi tiêu của người dân. Một số dự báo cho thấy chỉ số giá tiêu dùng trong tháng có thể tăng khoảng 1% so với tháng trước và khoảng 3,4% so với cùng kỳ năm trước, mức cao nhất trong nhiều tháng gần đây. Diễn biến này làm gia tăng nguy cơ lạm phát kéo dài, đặc biệt trong bối cảnh xung đột tại Trung Đông tiếp tục ảnh hưởng đến thị trường dầu mỏ toàn cầu.

Trước áp lực lạm phát, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ trong tháng 3 tiếp tục giữ nguyên lãi suất, duy trì chính sách tiền tệ thận trọng. Theo các bài viết trên Barron's, cơ quan này đang cân nhắc giữa việc kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Việc thị trường lao động vẫn tích cực khiến khả năng giảm lãi suất trong ngắn hạn trở nên thấp hơn.

Về tăng trưởng, nhiều tổ chức như S&P Global dự báo kinh tế Mỹ năm 2026 có thể tăng khoảng 2,2% - 2,6%. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, tiêu dùng có dấu hiệu

chững lại do chi phí sinh hoạt tăng và lãi suất duy trì ở mức cao. Các báo cáo cũng cho thấy sự phân hóa trong chi tiêu, khi nhóm thu nhập thấp chịu tác động mạnh hơn từ lạm phát so với nhóm thu nhập cao.

Ngoài ra, yếu tố địa chính trị trong tháng 3 đóng vai trò quan trọng. Căng thẳng tại Trung Đông không chỉ đẩy giá năng lượng tăng mà còn làm gia tăng rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Theo MarketWatch, thị trường chứng khoán Mỹ cũng chịu ảnh hưởng khi chỉ số S&P 500 ghi nhận mức giảm đáng kể trong quý I/2026.

Kinh tế Mỹ trong tháng 03/2026 cho thấy trạng thái ổn định nhưng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Thị trường lao động vẫn là trụ cột chính, nhưng áp lực lạm phát, chính sách tiền tệ thắt chặt và bất ổn bên ngoài có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng trong thời gian tới.

▪ *Trung Quốc*

Trong tháng 03/2026, nền kinh tế Trung Quốc vận hành trong trạng thái điều chỉnh theo hướng thận trọng hơn, thể hiện rõ qua các tín hiệu chính sách và mục tiêu tăng trưởng mới được công bố tại kỳ họp Lương hội Trung Quốc.

Theo đó, Trung Quốc chính thức công bố mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2026 ở mức 4,5% - 5%, thấp hơn so với mức “khoảng 5%” duy trì trong các năm trước, đồng thời nhấn mạnh định hướng chuyển dịch sang mô hình tăng trưởng “chất lượng cao”, tập trung vào công nghệ, tiêu dùng và đầu tư hạ tầng, thay vì phụ thuộc vào bất động sản và xuất khẩu truyền thống. Bên cạnh đó, Chính phủ Trung Quốc vẫn duy trì mục tiêu lạm phát khoảng 2%, coi đây là ngưỡng trần trong bối cảnh nền kinh tế vẫn đối mặt với áp lực giảm phát trong trung hạn.

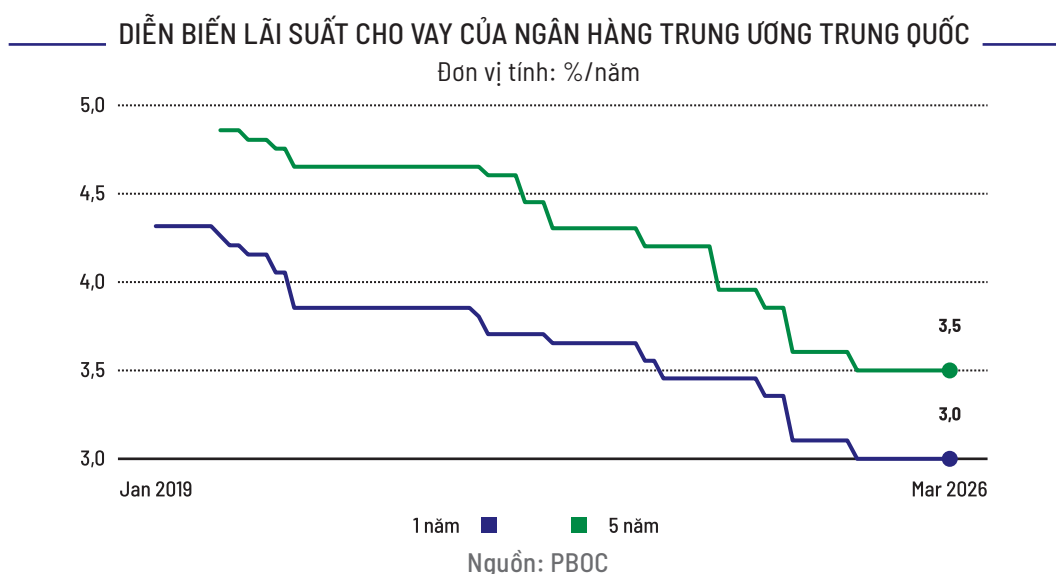
Chỉ số PMI sản xuất chung của Trung Quốc do RatingDog China, được biên soạn bởi S&P Global, đã giảm xuống 50,8 trong tháng 3 từ mức 52,1 trong tháng 2, thấp hơn dự báo 51,6 của các nhà phân tích. Khảo sát của S&P cũng cho thấy tình trạng căng thẳng chuỗi cung ứng đã gia tăng trong tháng 3, thời gian giao hàng của nhà cung cấp kéo dài hơn lần đầu tiên sau 5 tháng và ở mức độ lớn nhất kể từ tháng 12/2022, với các công ty cho rằng sự chậm trễ này là do gián đoạn, giá nguyên liệu đầu vào biến động và hạn chế về năng lực sản xuất của nhà cung cấp.

Trong tháng 03/2026, sự leo thang của xung đột tại Trung Đông, đặc biệt liên quan đến đối đầu giữa Mỹ - Israel và Iran có tác động mang tính trực tiếp và sâu rộng do mức độ phụ thuộc lớn vào năng lượng nhập khẩu từ khu vực Trung Đông, khoảng 45% lượng dầu nhập khẩu của Trung Quốc đi qua eo biển Hormuz, khiến nền kinh tế này đặc biệt dễ tổn thương khi tuyến vận tải này bị gián đoạn. Thực tế trong đầu tháng 03/2026, giao tranh đã khiến hoạt động lưu thông qua khu vực này gần như tê liệt, đẩy giá dầu tăng vọt lên gần 120 USD/thùng - mức cao nhất trong nhiều năm, qua đó làm gia tăng đáng kể chi phí sản xuất và vận tải của các doanh nghiệp Trung Quốc. Đồng thời, chi phí logistics toàn cầu cũng tăng mạnh khi nhiều tuyến vận tải buộc phải chuyển hướng qua các hành trình dài hơn, làm kéo dài thời gian giao hàng và gia tăng áp lực lên chuỗi cung ứng.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 04/2026

Bên cạnh các tác động kinh tế trực tiếp, Trung Quốc cũng phải điều chỉnh chiến lược ngoại giao và kinh tế để ứng phó với môi trường địa chính trị biến động. Trong tháng 03/2026, Bắc Kinh đã tích cực thúc đẩy các nỗ lực ngoại giao, kêu gọi đàm phán hòa bình giữa các bên liên quan nhằm giảm thiểu rủi ro lan rộng của xung đột. Đồng thời, Trung Quốc cũng chủ động làm việc với Iran để đảm bảo hành lang an toàn cho các tàu chở dầu và LNG từ Qatar đi qua eo biển Hormuz, trong bối cảnh xung đột giữa Mỹ, Israel và Iran đang leo thang dữ dội, cho thấy mức độ phụ thuộc và tính cấp thiết của việc duy trì dòng chảy năng lượng ổn định.

Trong kỳ công bố ngày 20/03, PBOC giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản (Loan Prime Rate - LPR), với mức khoảng 3,0% cho kỳ hạn 1 năm và 3,5% cho kỳ hạn 5 năm, đánh dấu chuỗi nhiều tháng liên tiếp không điều chỉnh. Việc duy trì lãi suất ổn định cho thấy áp lực kích thích tiền tệ trong ngắn hạn đã giảm bớt, khi dữ liệu kinh tế đầu năm tích cực hơn kỳ vọng. Đồng thời, việc giá dầu toàn cầu tăng mạnh do xung đột Trung Đông cũng khiến nhà điều hành thận trọng hơn, nhằm tránh rủi ro lạm phát nhập khẩu nếu rơi lỏng quá nhanh.



Tuy không hạ lãi suất, PBOC vẫn chủ động sử dụng các công cụ điều tiết gián tiếp để duy trì thanh khoản và ổn định thị trường tài chính. Trong đó, đáng chú ý là việc loại bỏ tỷ lệ dự trữ rủi ro 20% đối với giao dịch ngoại hối kỳ hạn từ ngày 02/03, nhằm làm giảm chi phí nắm giữ USD và qua đó kìm hãm đà tăng giá quá nhanh của đồng Nhân dân tệ.

▪ EU

Trong tháng 03/2026, nền kinh tế Liên minh châu Âu (EU), đặc biệt là khu vực Eurozone, vận hành trong trạng thái phục hồi yếu nhưng chịu áp lực gia tăng từ lạm phát và rủi ro địa chính trị.

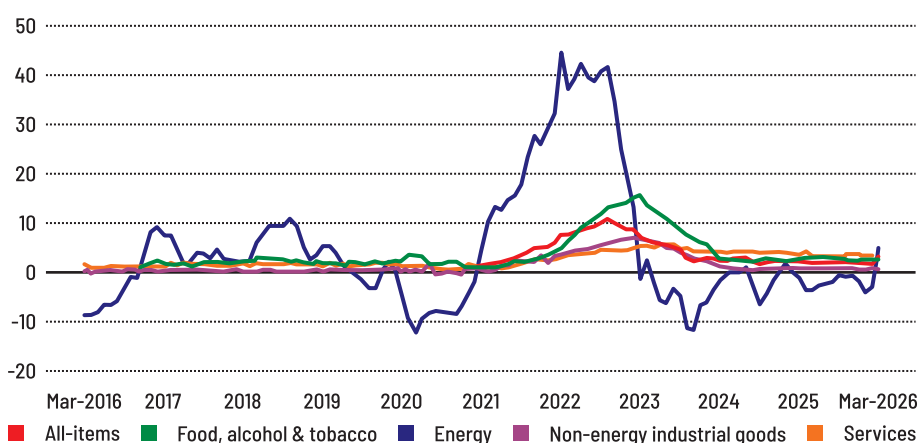
BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 04/2026

Về hoạt động sản xuất và tăng trưởng, dữ liệu công bố trong tháng 3 cho thấy khu vực Eurozone tiếp tục duy trì đà phục hồi nhẹ sau giai đoạn suy yếu cuối năm 2025. Chỉ số PMI sản xuất (S&P) tăng lên khoảng 51,6 điểm trong tháng 03/2026 (từ mức 50,8 trong tháng 02/2026, cao hơn so với ước tính sơ bộ là 51,4) - mức cao nhất trong gần 4 năm, cho thấy khu vực sản xuất đã quay lại vùng mở rộng.

Bên cạnh đó, xung đột tại Trung Đông đã gây tắc nghẽn logistics toàn cầu, làm kéo dài thời gian giao hàng và đẩy chi phí đầu vào tăng mạnh lên mức cao nhất kể từ năm 2022, buộc các doanh nghiệp phải tăng giá bán với tốc độ nhanh nhất trong hơn 3 năm. Mặc dù sản lượng và đơn hàng xuất khẩu có dấu hiệu ổn định, nhu cầu tổng thể vẫn yếu, doanh nghiệp tiếp tục cắt giảm việc làm và niềm tin kinh doanh giảm xuống mức thấp nhất trong 5 tháng. Về các quốc gia, Đức và Ý dẫn đầu đà phục hồi, trong khi Pháp gần như đình trệ và Tây Ban Nha vẫn ở trạng thái suy giảm, cho thấy sự phục hồi trong khu vực còn thiếu đồng đều và tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Một trong những yếu tố chi phối mạnh nhất nền kinh tế EU trong tháng 03/2026 là diễn biến lạm phát quay trở lại xu hướng tăng, đảo chiều so với giai đoạn hạ nhiệt trước đó. Lạm phát chung tại 21 quốc gia sử dụng đồng euro đã tăng vọt lên 2,5% trong tháng 3 từ mức 1,9% của tháng trước, thấp hơn dự báo 2,6% trong cuộc khảo sát các nhà kinh tế của Reuters, do chi phí năng lượng tăng 4,9%. Tại Đức, lạm phát tăng lên 2,8% trong tháng 3, trong đó giá năng lượng tăng hơn 7%, phản ánh mức độ lan tỏa mạnh của cú sốc giá dầu và khí đốt.

LẠM PHÁT HÀNG NĂM KHU VỰC ĐỒNG EURO VÀ CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH ƯỚC TÍNH ĐẾN HẾT THÁNG 03/2026



Nguồn: Eurostat

Đáng chú ý, các dự báo kinh tế cập nhật trong tháng 03/2026 cho thấy triển vọng của EU đang xấu đi do tác động của cú sốc năng lượng. ECB đã điều chỉnh tăng dự báo lạm phát năm 2026 lên khoảng 2,6%, cao hơn so với các dự báo trước đó, chủ yếu do giá năng lượng tăng từ xung đột Trung Đông. Đồng thời, tăng trưởng kinh tế khu vực được đánh giá là chậm lại trong ngắn hạn, phản ánh sự suy yếu của cầu nội địa và tác động tiêu cực từ chi phí sản xuất tăng.

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong tháng 03/2026, các tổ chức quốc tế và định chế tài chính lớn chưa có nhiều sự cập nhật dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu, phản ánh tâm lý thận trọng trước những biến động địa chính trị phức tạp. Phần lớn các dự báo vẫn duy trì quanh vùng 2,6% - 3,3% theo các kịch bản đã công bố trước đó hoặc giảm nhẹ, thay vì điều chỉnh mạnh trong ngắn hạn. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc xung đột tại Trung Đông và biến động giá năng lượng chưa ổn định, khiến các tổ chức khó xác định rõ mức độ lan tỏa tới lạm phát, thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Điểm nhấn lớn nhất trong tháng 3/2026 là sự xuất hiện của các biến số địa chính trị mới (bắt đầu từ cuối tháng 2/2026) khiến các tổ chức tài chính quốc tế lo ngại về sự giảm tăng trưởng và lạm phát đảo chiều tăng trở lại (khoảng 4,4% trong năm 2026 do giá năng lượng và chi phí vận tải leo thang).

Dự báo cho thấy sự tăng trưởng không đồng đều giữa các khu vực: Mỹ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính nhờ đầu tư công nghệ và tiêu dùng bền bỉ, dù lạm phát vẫn ở mức cao hơn mục tiêu của Fed. Eurozone được dự báo tăng trưởng khá khiêm tốn (khoảng 0,8%) do chịu ảnh hưởng trực tiếp từ giá năng lượng cao và sự sụt giảm niềm tin kinh doanh. Tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc dự kiến chậm lại ở mức 4,4%, phản ánh sự chuyển dịch cơ cấu và tác động từ các rào cản thương mại quốc tế.

Các thách thức chính sẽ bao gồm việc tăng giá hàng hóa do tăng giá dầu mỏ và khí đốt, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, các ngân hàng trung ương duy trì chính sách tiền tệ thận trọng với mặt bằng lãi suất cao. Điểm sáng duy nhất là làn sóng đầu tư công nghệ xanh giúp giảm tốc suy thoái.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) trong báo cáo công bố cuối tháng 03/2026 đã đưa ra góc nhìn thận trọng. *OECD hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu xuống khoảng 2,9% trong năm 2026 và tăng nhẹ lên 3,0% vào năm 2027*, giảm so với kỳ vọng trước đó, đồng thời cảnh báo lạm phát toàn cầu có thể tăng mạnh lên khoảng 4,0%. Đáng chú ý, tổ chức này nhấn mạnh rằng xung đột tại Trung Đông đã “xóa bỏ triển vọng nâng cấp tăng trưởng” trước đó, và *trong kịch bản tiêu cực hơn, tăng trưởng toàn cầu có thể giảm thêm 0,5% nếu giá năng lượng tiếp tục duy trì ở mức cao.*

Fitch Ratings cũng cập nhật dự báo trong tháng 03/2026, tổ chức này cho rằng nền kinh tế thế giới vẫn duy trì tốt bất chấp hàng loạt cú sốc địa chính trị và chính sách của Mỹ, *tăng trưởng toàn cầu dự kiến sẽ giảm nhẹ xuống 2,6% trong năm 2026 so với 2,7% năm 2025.*

Bên cạnh đó, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) trong dự báo mới nhất của mình cho biết giai đoạn 2026 - 2030, các nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người nhanh nhất chủ yếu thuộc nhóm thị trường mới nổi, trong đó Moldova, Guyana và một số quốc gia Đông Âu dẫn đầu nhờ cải cách kinh tế, khai thác tài nguyên và hội nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy nhiên, dù tăng trưởng theo tỷ lệ cao, mức thu nhập tuyệt đối vẫn thấp hơn đáng kể so với các nước phát triển, khi những nền kinh tế như Ireland, Iceland hay Qatar tiếp tục dẫn đầu về mức tăng thu nhập tính theo USD.



PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM



1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 03/2026

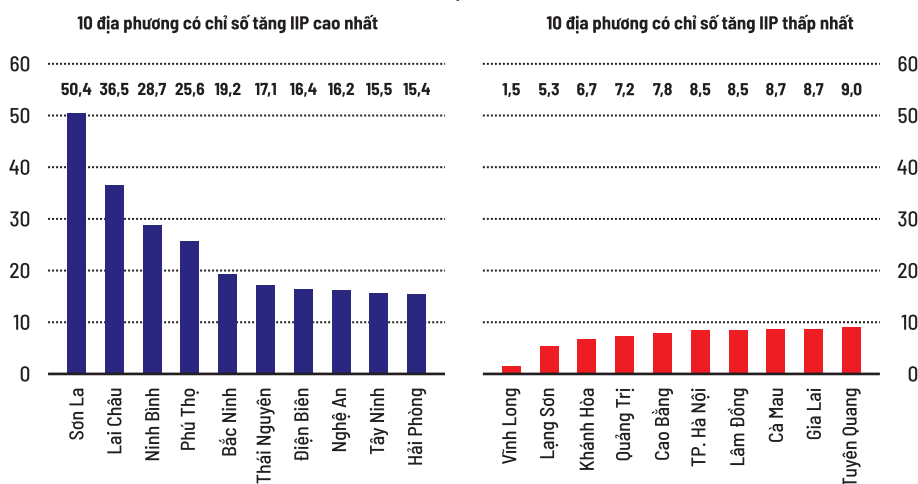
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 03/2026 ước tăng 18,8% so với tháng trước và tăng 6,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước; ngành công nghiệp ngành chế biến, chế tạo tăng 7,5%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,6%; ngành khai khoáng tăng 2,6%.

**TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM IIP QUÝ I NĂM 2026
SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG**

Đơn vị tính: %



Nguồn: Cục Thống kê

Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I/2026 ước tăng 9,0% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2025 tăng 8,3%), trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,7%, đóng góp 7,6 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,8%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,3%, đóng góp 0,6 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 4,7%, đóng góp 0,7 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

1.1.2. Xuất nhập khẩu

▪ Xuất khẩu hàng hóa:

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 03/2026 đạt 46,44 tỷ USD, tăng 40,3% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 8,96 tỷ USD, tăng 39,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 37,48 tỷ USD, tăng 40,6%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 03/2026 tăng 20,1%, trong đó khu vực kinh tế trong nước giảm 20,1%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 36,5%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu quý I/2026, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 110,52 tỷ USD, chiếm 89,9%; nhóm hàng nông sản, lâm sản đạt 9,34 tỷ USD, chiếm 7,6%; nhóm hàng thủy sản đạt 2,64 tỷ USD, chiếm 2,2%; nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản đạt 0,43 tỷ USD, chiếm 0,3%.

▪ Nhập khẩu hàng hóa:

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 03/2026 đạt 47,11 tỷ USD, tăng 38,2% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 13,45 tỷ USD, tăng 40,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 33,66 tỷ USD, tăng 37,1%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 03/2026 tăng 27,8%, trong đó khu vực kinh tế trong nước giảm 3,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 47,1%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu quý I/2026, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 118,84 tỷ USD, chiếm 93,9%, trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 55,3%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 38,6%. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng đạt 7,73 tỷ USD, chiếm 6,1%.

Theo số liệu sơ bộ, cán cân thương mại hàng hóa tháng Hai nhập siêu 1,01 tỷ USD; hai tháng nhập siêu 2,97 tỷ USD; tháng 03/2026 nhập siêu 0,67 tỷ USD. Tính chung quý I/2026, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 3,64 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 3,57 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 10,73 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 7,09 tỷ USD.

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 03/2026, cả nước có gần 22,0 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 224,9 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký gần 98,4 nghìn lao động, tăng 94,1% về số doanh nghiệp, tăng 69,4% về số vốn đăng ký và tăng 65,7% về số lao động so với tháng 02/2026. So với cùng kỳ năm trước, tăng 40,5% về số doanh nghiệp, tăng 78,1% về số vốn đăng ký và tăng 12,4% về số lao động. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 03/2026 đạt 10,2 tỷ đồng, giảm 12,8% so với tháng trước và tăng 26,7% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước còn có hơn 7,9 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 28,3% so với tháng trước và giảm 13,3% cùng kỳ năm trước.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 04/2026

Theo khu vực kinh tế, trong quý I/2026 có 623 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 89,4% so với cùng kỳ năm trước; gần 13,8 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 60,1%; hơn 43,0 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 56,6%.

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM, QUÝ I/2026



Nguồn: Cục Thống kê

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý I/2026 theo giá hiện hành ước đạt 744,7 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước ước đạt 207,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 27,8% tổng vốn đầu tư và tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 402,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 54,1%, tăng 9,8%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 135,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,1% và tăng 11,8%.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/3/2026 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 15,20 tỷ USD, tăng 42,9% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 03 tháng đầu năm 2026 ước đạt 5,41 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của 03 tháng đầu năm trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 4,48 tỷ USD, chiếm 82,8% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 389,5 triệu USD, chiếm 7,2%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 196,1 triệu USD, chiếm 3,6%.

Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 619,9 triệu USD, gấp 2,6 lần so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 163,8 triệu USD, chiếm 26,4% tổng vốn đầu tư; xây dựng đạt 150,9 triệu USD, chiếm 24,3%; vận tải kho bãi đạt 149,2 triệu USD, chiếm 24,1%.

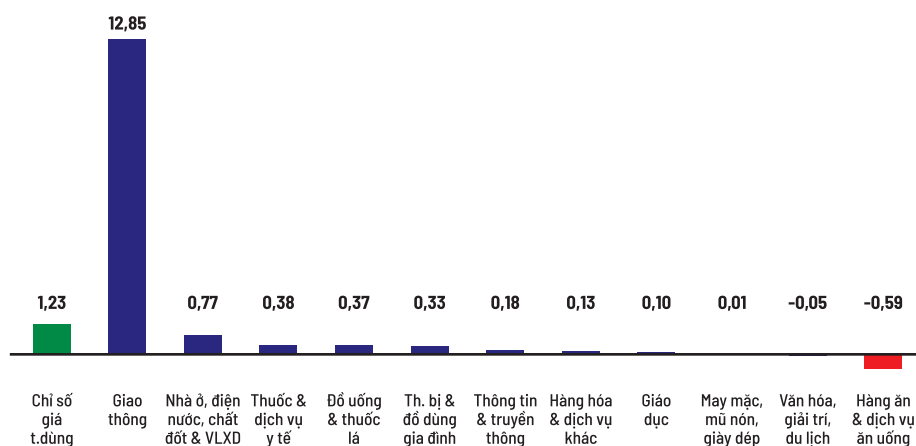
Trong ba tháng đầu năm 2026, có 28 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó: Lào là nước dẫn đầu với 176,7 triệu USD, chiếm 28,5% tổng vốn đầu tư; Kyrgyzstan 149,9 triệu USD, chiếm 24,2%; Anh 82,8 triệu USD, chiếm 13,4%; Angola 30 triệu USD, chiếm 4,8%; Hà Lan 29,4 triệu USD, chiếm 4,7%; Thụy Điển 28,5 triệu USD, chiếm 4,6%.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 04/2026

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 03/2026 tăng 1,23% so với tháng trước do giá xăng dầu trong nước tăng cao theo giá nhiên liệu thế giới, cùng với giá vật liệu xây dựng tăng do chi phí nguyên liệu đầu vào và vận chuyển gia tăng. So với tháng 12/2025, CPI tháng Ba tăng 2,44% và tăng 4,65% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng CPI cao nhất của tháng 03/2026 so với cùng kỳ năm trước trong 5 năm qua.

TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM CPI THÁNG 03/2026 SO VỚI THÁNG TRƯỚC



Nguồn: Cục Thống kê

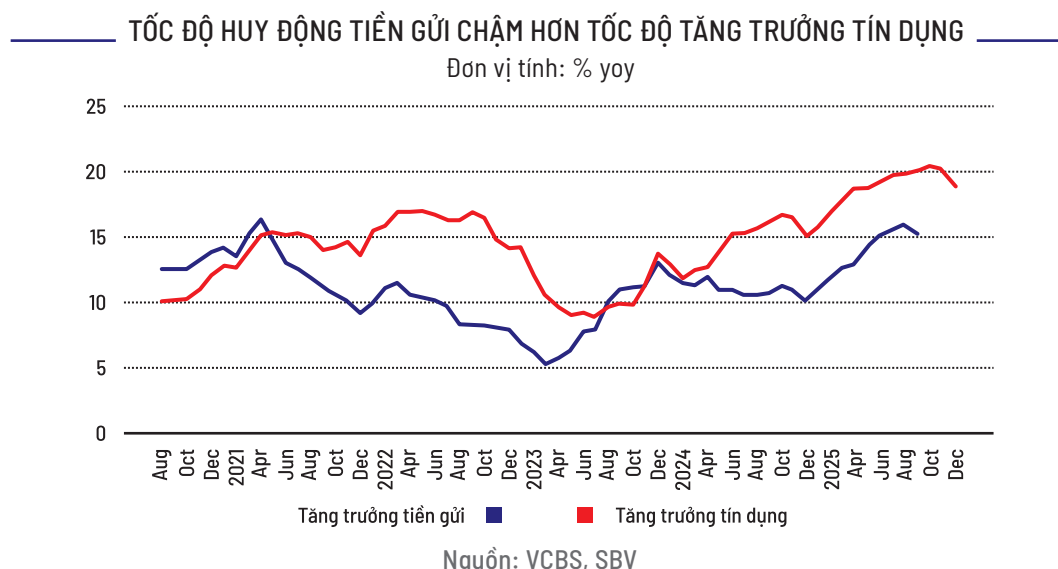
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Theo số liệu từ Cục Thống kê, tính đến thời điểm 24/3/2026, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 2,15%, thấp hơn mức tăng cùng thời điểm năm 2025 (tăng 2,28%).

Với dư nợ tín dụng nền kinh tế tại thời điểm 31/12/2025 đạt khoảng 18,58 triệu tỷ đồng, mức tăng trưởng tín dụng 2,15% trong quý I/2026 đồng nghĩa khoảng 399.000 tỷ đồng đã được bổ sung vào nền kinh tế.

Trong khi đó, huy động vốn của các tổ chức tín dụng chỉ tăng 0,44% (cùng thời điểm năm 2025 tăng 1,23%); Tổng phương tiện thanh toán tăng 1,04% so với cuối năm 2025 (cùng thời điểm năm 2025 tăng 1,89%).



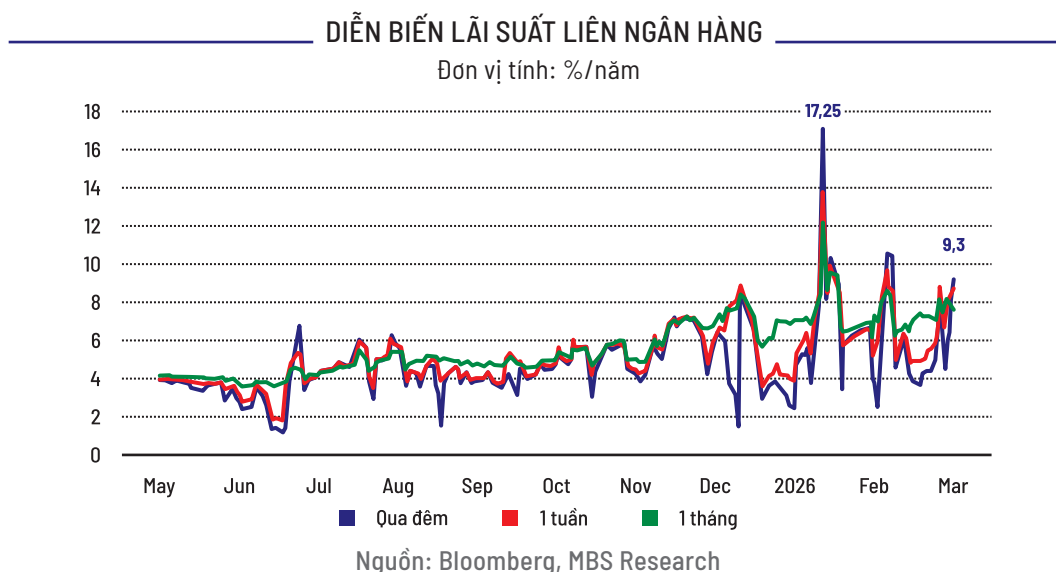
Tình trạng tín dụng tăng nhanh hơn huy động tiếp diễn đang tạo áp lực lớn lên thanh khoản hệ thống ngân hàng đầu năm 2026, đẩy lãi suất huy động tăng, buộc các ngân hàng vào cuộc cạnh tranh gay gắt về vốn, đồng thời gây khó khăn cho việc giảm lãi suất cho vay.

Trong năm 2026, NHNN dự kiến tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống khoảng 15%, có điều chỉnh tăng, giảm phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế, đảm bảo kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và an toàn hệ thống các TCTD.

1.2.2. Lãi suất

Trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất biến động mạnh trong những ngày đầu tháng 3/2026, phản ánh áp lực thanh khoản cục bộ sau giai đoạn điều tiết của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Cụ thể, ngay đầu tháng (02 - 04/3), lãi suất qua đêm có thời điểm tăng vọt lên khoảng 11 - 11,1%/năm, trong khi kỳ hạn 1 tuần lên tới 12%/năm. Đây là mức tăng rất mạnh so với cuối tháng 2, cho thấy nhu cầu vay mượn vốn ngắn hạn giữa các ngân hàng gia tăng đột biến. Tuy nhiên, sau đó, nhờ các động thái bơm/hút vốn linh hoạt của NHNN, mặt bằng lãi suất đã nhanh chóng hạ nhiệt và ổn định trở lại quanh mức 4 - 5,6%/năm đối với các kỳ hạn ngắn vào giữa tháng 3.

Theo MBS, sự đảo chiều trong hoạt động điều tiết thanh khoản của NHNN đã tác động trực tiếp tới mặt bằng lãi suất liên ngân hàng. Lãi suất qua đêm giảm mạnh từ mức 10,5%/năm đầu tháng xuống còn 3,7% vào ngày 16/3, trước khi bật tăng trở lại lên 9,3% vào ngày 30/3, cao hơn 4,7 điểm phần trăm so với cuối tháng 2. Lãi suất kỳ hạn 1 tuần cũng tăng 1,7 điểm phần trăm lên 8,9%/năm. Trong khi đó, các kỳ hạn từ 1-6 tháng tăng nhẹ hơn, khoảng 0,2 - 0,3 điểm phần trăm, dao động trong khoảng 7,6 - 7,9%/năm.



Loạt ngân hàng vừa tăng lãi suất huy động cuối tháng 03/2026, nâng tổng số ngân hàng tăng lãi suất huy động trong tháng lên đến 20 ngân hàng, bao gồm: VPBank, Sacombank, VietBank, MB, SHB, NCB, Techcombank, VietinBank, BIDV, BVBank, Vietcombank, Agribank, Saigonbank, OCB, MBV, Bac A Bank, TPBank, VCBNeo, LPBank, BaoViet Bank.

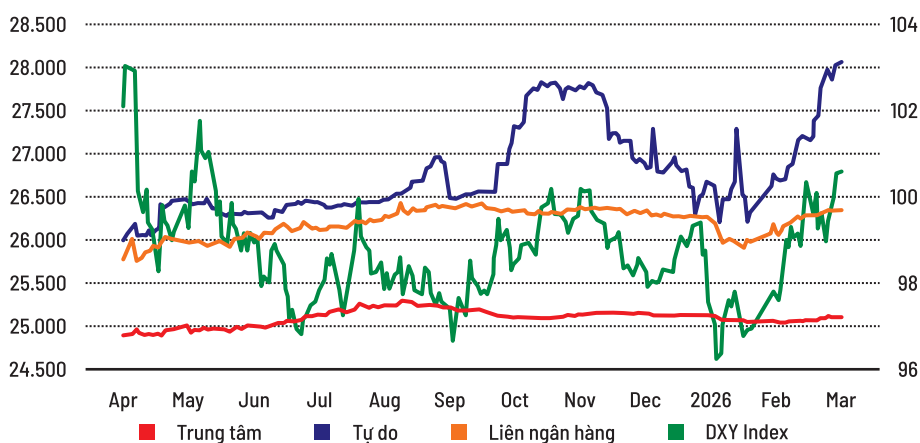
Trong đó, VPBank, MB, VietinBank, Sacombank, Agribank đã có 2-4 lần tăng lãi suất huy động trong thời gian này.

Việc điều chỉnh tăng lãi suất dồn dập vào cuối quý I/2026 cho thấy áp lực huy động vốn của các ngân hàng đang tăng cao nhằm chuẩn bị nguồn lực cho các hoạt động tín dụng trong giai đoạn tiếp theo của năm.

1.2.3. Tỷ giá

Trong tháng 3, dưới áp lực phục hồi mạnh của đồng USD, tỷ giá trong nước tiếp tục gia tăng nhanh chóng. Cụ thể, tỷ giá liên ngân hàng đến cuối tháng tăng 1,1% so với tháng trước lên mức 26.345 VND/USD (tăng 0,3% so với đầu năm). Tỷ giá trung tâm tăng nhẹ 0,2% so với tháng trước lên mức 25,102 VND/USD.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ TRUNG TÂM TÍNH ĐẾN THÁNG 03/2026



Nguồn: Bloomberg, MBS Research, NHNN

Trong khi đó, theo MBS, tỷ giá tự do tăng mạnh 5,1% trong tháng, lập đỉnh lịch sử mới ở mức 28.055 VND/USD (tăng 4,2% so với đầu năm).

Trong bối cảnh tỷ giá tăng nhanh, NHNN đã triển khai biện pháp can thiệp bằng việc bán USD thông qua các hợp đồng kỳ hạn 180 ngày (có hủy ngang) cho các TCTD có trạng thái ngoại tệ âm với giá bán 26.850 VND/USD.

Chuyên gia MBS nhận định đây được xem là động thái linh hoạt của NHNN trong việc vừa ổn định tâm lý thị trường và cũng vừa bảo vệ được dự trữ ngoại hối trong trường hợp các TCTD hủy giao dịch nếu áp lực tỷ giá giảm trong thời gian tới.

1.2.4. Chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng 03/2026 trải qua giai đoạn biến động mạnh khi chịu tác động kép từ căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông và áp lực tỷ giá gia tăng.

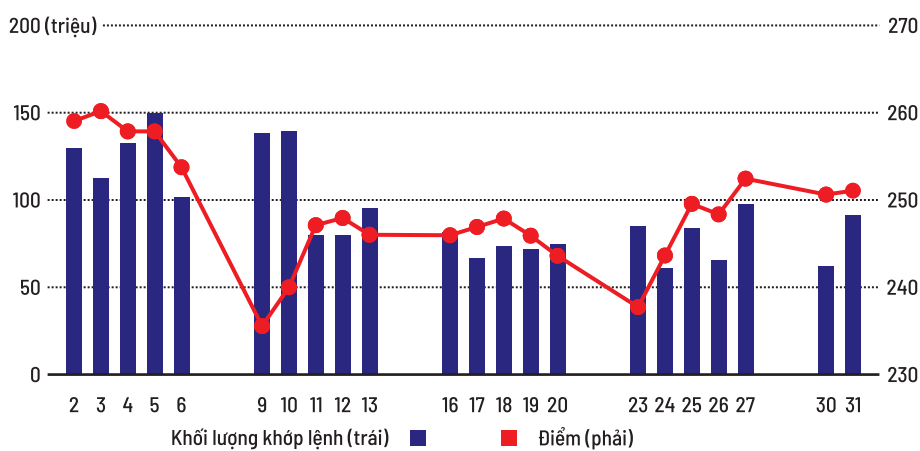
Theo nhận định của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt (VFS), VN-Index đã có nhịp giảm sâu hơn 12% về vùng hỗ trợ 1.580 - 1.600 điểm trước khi nỗ lực tìm lại điểm cân bằng quanh mốc 1.650 - 1.674 điểm, tương ứng đường trung bình động MA200.

Sau giai đoạn tích lũy quanh vùng 1.880 điểm trong tháng 2, thị trường bước vào nhịp điều chỉnh mạnh ngay đầu tháng 3. Chỉ số có thời điểm mất tới 12,4% giá trị, đánh dấu mức giảm sâu nhất kể từ giai đoạn dịch Covid-19. Tuy nhiên, lực cầu bắt đáy đã xuất hiện tại vùng hỗ trợ quan trọng, giúp VN-Index phục hồi hơn 40 điểm trong một phiên cuối tháng và đóng cửa quanh mốc 1.674 điểm. Diễn biến này cho thấy thị trường đang nỗ lực thoát đáy trung hạn nhưng xu hướng phục hồi vẫn đối mặt nhiều thách thức.

Bên cạnh đó, thanh khoản thị trường niêm yết HNX tháng 3/2026 tăng hơn 39% cho thấy dòng tiền trên thị trường cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) tiếp tục gia tăng, cho thấy dòng tiền tiếp tục gia tăng dù chỉ số chung điều chỉnh.

Trong 22 phiên giao dịch, HNX Index trải qua hai nhịp giảm sâu vào tuần đầu và tuần thứ ba. Tuy nhiên, lực cầu luôn xuất hiện kịp thời sau mỗi nhịp điều chỉnh, giúp thị trường nhanh chóng phục hồi. Dù vậy, áp lực chung vẫn chiếm ưu thế, khiến chỉ số chốt tháng tại 250,98 điểm, giảm 4,5% so với tháng trước.

BIỂU ĐỒ ĐIỂM CHỈ SỐ HNX-INDEX



Nguồn: HNX

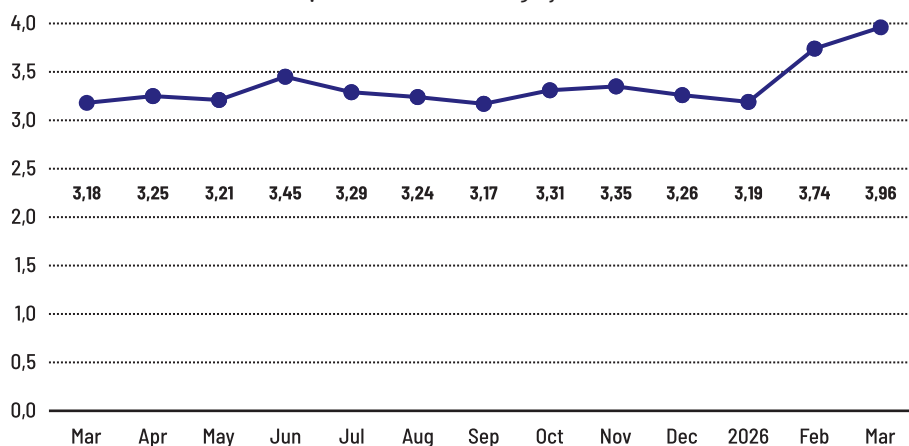
Tính đến cuối tháng 3/2026, HNX có 302 doanh nghiệp niêm yết, với tổng giá trị niêm yết vượt 190 nghìn tỷ đồng. Giá trị vốn hóa thị trường tại phiên cuối tháng đạt trên 446 nghìn tỷ đồng, giảm nhẹ 0,6% so với tháng trước.

1.2.5. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 03/2026 tăng 0,47% so với tháng trước và tăng 3,96% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân quý I/2026, lạm phát cơ bản tăng 3,63% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 3,51% của CPI bình quân chung, chủ yếu do giá lương thực là yếu tố tác động giảm CPI chung nhưng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

DIỄN BIẾN LẠM PHÁT CƠ BẢN ĐẾN THÁNG 03/2026

Đơn vị tính: % (so với cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Cục Thống kê

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

▪ *Giảm thuế xăng, dầu, kích hoạt dư địa hỗ trợ nền kinh tế theo Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 26/3/2026*

Trong tuần từ 21-27/3/2026, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành hàng loạt quyết sách quan trọng nhằm ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp. Nổi bật là việc điều chỉnh chính sách thuế đối với xăng, dầu theo hướng giảm mạnh trong ngắn hạn.

Theo Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 26/3/2026 do Thủ tướng Phạm Minh Chính ký, từ 24 giờ cùng ngày đến hết 15/4/2026, thuế bảo vệ môi trường với xăng (trừ etanol), dầu diesel và nhiên liệu bay được đưa về mức 0 đồng/lít. Đồng thời, các mặt hàng này không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng vẫn được khấu trừ đầu vào; riêng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng cũng giảm về 0%. Chính sách này được kỳ vọng góp phần hạ nhiệt chi phí đầu vào, hỗ trợ sản xuất và tiêu dùng.

▪ *Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 30/3/2026 về việc tăng cường thực thi tiết kiệm điện và phát triển điện mặt trời mái nhà*

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã ký ban hành Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 30/3/2026 về việc tăng cường thực thi tiết kiệm điện và phát triển điện mặt trời mái nhà.

Chỉ thị nêu rõ: Bảo đảm cung ứng điện an toàn, ổn định, liên tục cho sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, có ý nghĩa quyết định đối với tăng trưởng kinh tế và an ninh năng lượng quốc gia.

Năm 2026 là năm đầu triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 với mục tiêu tăng trưởng ở mức hai con số, đặt ra yêu cầu rất lớn đối với bảo đảm cung ứng điện, nhất là phát triển các nguồn điện nền và năng lượng sạch trong nước. Trong khi đó, thị trường năng lượng quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro, tác động trực tiếp đến an ninh năng lượng quốc gia, nếu không kịp thời có các giải pháp đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả, nguy cơ mất cân đối cung - cầu điện có thể xảy ra, đặc biệt trong giai đoạn 2026-2028.

Do đó, việc triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp quản lý nhu cầu và sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả trên phạm vi toàn quốc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần giảm phụ tải đỉnh, nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống điện, giảm áp lực đầu tư nguồn điện mới. Đồng thời, phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ kết hợp hệ thống lưu trữ năng lượng phù hợp sẽ bổ sung nguồn điện tại chỗ, tăng cường tính linh hoạt của hệ thống điện, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Các giải pháp này phải được tổ chức thực hiện quyết liệt ngay từ năm 2026, gắn với trách nhiệm cụ thể của từng bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp.

▪ *Thúc đẩy khu vực doanh nghiệp và mở rộng không gian phát triển kinh tế*

Chính phủ cũng chú trọng tạo động lực cho khu vực doanh nghiệp. Theo Quyết định số 463/QĐ-TTg ngày 22/3/2026, phong trào thi đua phát triển doanh nghiệp được triển khai với mục tiêu đến thời gian tới đạt gần 2 triệu doanh nghiệp, tương đương 20 doanh nghiệp trên mỗi nghìn dân. Kinh tế tư nhân được kỳ vọng tăng trưởng bình quân 10-12%/năm, đóng góp 55-58% GDP và tạo việc làm cho khoảng 84-85% lực lượng lao động.

Cùng thời điểm, Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 27/3/2026 phê duyệt mở rộng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An lên 104.269,94 ha, bao gồm cả đất liền và mặt biển. Khu vực này được định hướng phát triển thành trung tâm công nghiệp đa ngành, gắn với khai thác hiệu quả các cảng biển như Cửa Lò và Đông Hải, với trọng tâm là các lĩnh vực công nghệ cao, năng lượng tái tạo và công nghiệp chế biến.

▪ *Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh và năng lượng tái tạo*

Chính phủ cũng phát động phong trào thi đua về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh theo Quyết định số 462/QĐ-TTg. Mục tiêu là khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo trong toàn xã hội, lấy người dân làm trung tâm của phát triển.

Đáng chú ý, Đề án triển khai Tuyên bố JETP theo Quyết định số 458/QĐ-TTg đặt mục tiêu hoàn thiện khung pháp lý, thúc đẩy phát triển điện gió ngoài khơi, điện mặt trời và các công nghệ năng lượng mới như hydrogen xanh, amoniac xanh đến năm 2030.

▪ *Chú trọng phát triển nguồn nhân lực và bảo vệ môi trường, văn hóa*

Đề án phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số giai đoạn 2026-2030, định hướng đến 2035 được phê duyệt nhằm bảo đảm cơ cấu hợp lý và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong khu vực công.

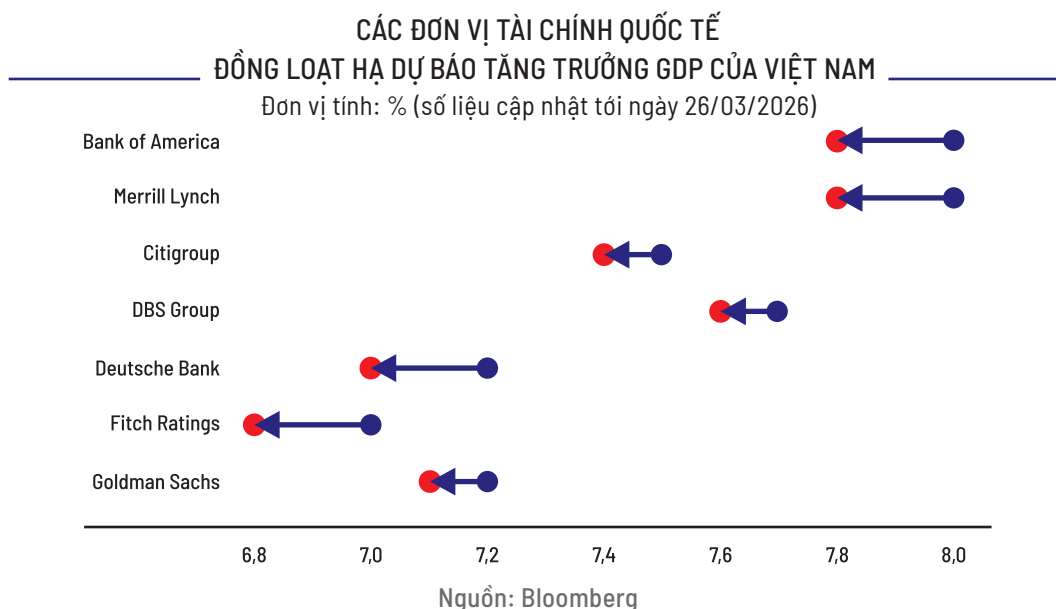
Ở lĩnh vực môi trường, Nghị quyết số 67/NQ-CP yêu cầu triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Đồng thời, chương trình bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng đặt mục tiêu 100% trường phổ thông có giải pháp an ninh mạng và mọi trẻ em bị xâm hại trên không gian mạng đều được hỗ trợ kịp thời.

Bên cạnh phát triển kinh tế, công tác bảo tồn di sản cũng được quan tâm khi quy hoạch tu bổ Khu lăng mộ và đền thờ các vua triều Trần tại Hưng Yên được phê duyệt, hướng tới phát huy giá trị văn hóa và phát triển du lịch bền vững.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Bước sang tháng 03/2026, các tổ chức tài chính quốc tế và ngân hàng lớn đã có những điều chỉnh đáng chú ý đối với triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam, phản ánh rõ tác động của bối cảnh địa chính trị và biến động giá năng lượng toàn cầu.

Trước hết, theo dữ liệu tổng hợp từ Bloomberg cập nhật trong tháng 03/2026, nhiều định chế tài chính lớn đã đồng loạt điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2026. Cụ thể, Bank of America Merrill Lynch hạ dự báo từ 8,0% xuống 7,8%, Citigroup từ 7,5% xuống 7,4%, và DBS từ 7,7% xuống 7,6%. Các tổ chức khác cũng điều chỉnh giảm khoảng 0,1 - 0,2 điểm phần trăm, đưa biên độ dự báo chung về khoảng 6,8% - 7,8%. Đây được xem là một sự điều chỉnh mang tính “đồng thuận”, phản ánh việc các tổ chức cùng đánh giá lại rủi ro vĩ mô trong ngắn hạn.



Nguyên nhân chính của đợt điều chỉnh này đến từ các cú sốc bên ngoài, đặc biệt là yếu tố địa chính trị và giá năng lượng. Sau sự kiện căng thẳng tại Trung Đông cuối tháng 02/2026, giá dầu Brent đã tăng mạnh, có thời điểm tiệm cận 120 USD/thùng, kéo theo áp lực lạm phát và tỷ giá tại Việt Nam.

Dù bị điều chỉnh giảm, triển vọng tăng trưởng của Việt Nam vẫn được đánh giá tích cực so với khu vực và thế giới. Các dự báo trong tháng 3 cho thấy mức tăng trưởng của Việt Nam vẫn gần gấp đôi mức trung bình khu vực châu Á - Thái Bình Dương (khoảng 4,3%).

Ở góc nhìn dài hạn hơn, các dự báo mới từ Growth Lab thuộc Đại học Harvard cho thấy Việt Nam có triển vọng trở thành nền kinh tế dẫn đầu thế giới về tăng trưởng GDP bình quân đầu người trong thập kỷ tới với các chỉ số sản xuất cho thấy nền tảng cầu trong nước và quốc tế ổn định, phản ánh sức khỏe khu vực công nghiệp. Đồng thời, thị trường tài chính ghi nhận sự mở rộng mạnh về quy mô vốn hóa và triển vọng nâng hạng, cho thấy mức độ hấp dẫn ngày càng cao đối với dòng vốn đầu tư quốc tế.



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung dầu mỏ:*

Trong tháng 03/2026, nguồn cung dầu toàn cầu chịu tác động mạnh từ cả yếu tố chính sách và cú sốc địa chính trị, khiến bức tranh cung ứng chuyển sang trạng thái thắt chặt rõ rệt.

Báo cáo mới nhất của IEA công bố ngày 20/03 cho thấy thị trường dầu toàn cầu đang đối mặt với cú sốc nguồn cung lớn nhất trong lịch sử hiện đại, chủ yếu xuất phát từ xung đột tại Trung Đông. Cụ thể, vào tháng 03/2026, nguồn cung dầu toàn cầu được ghi nhận giảm khoảng 8 triệu thùng/ngày, tương đương gần 8% nhu cầu thế giới, do các quốc gia vùng Vịnh buộc phải cắt giảm sản lượng và xuất khẩu. Trước cú sốc này, nhiều quốc gia đã triển khai biện pháp can thiệp quy mô lớn nhằm bổ sung nguồn cung, trong đó nổi bật là quyết định xả khoảng 400 triệu thùng dầu từ kho dự trữ chiến lược - mức cao nhất từng được ghi nhận.

Diễn biến thực tế trong tháng 3/2026 cho thấy nguồn cung còn bị thu hẹp mạnh hơn dự kiến do yếu tố địa chính trị. Theo khảo sát của Reuters, sản lượng dầu của OPEC trong tháng 3 giảm xuống chỉ còn khoảng 21,57 triệu thùng/ngày, giảm tới 7,3 triệu thùng/ngày so với tháng trước, mức thấp nhất kể từ năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu đến từ xung đột tại Trung Đông, đặc biệt là việc gián đoạn vận chuyển qua eo biển Hormuz, buộc nhiều quốc gia như Iraq, Kuwait, Saudi Arabia và UAE phải cắt giảm xuất khẩu.

Bên cạnh đó, dù một số nước như Saudi Arabia và UAE đã sử dụng các tuyến xuất khẩu thay thế, khả năng bù đắp vẫn hạn chế. Ngược lại, một số quốc gia ngoài vùng xung đột như Venezuela và Nigeria có xu hướng tăng sản lượng, nhưng quy mô chưa đủ để cân bằng thị trường.

Vào thời điểm đầu tháng 3/2026, một số cơ sở năng lượng trọng điểm tại Saudi Arabia, bao gồm khu vực liên quan đến hệ thống lọc - xuất khẩu dầu, đã bị tấn công, buộc phải gián đoạn hoạt động trong ngắn hạn và ảnh hưởng đến dòng chảy sản phẩm dầu ra thị trường quốc tế. Đồng thời, các sự cố tại các mỏ khí - dầu lớn tại Iran (bao gồm khu vực South Pars) trong cùng thời gian cũng làm suy giảm một phần

công suất khai thác, qua đó gia tăng áp lực lên nguồn cung khu vực vốn đang nhạy cảm với yếu tố địa chính trị.

Tại Nga, các cuộc tấn công bằng UAV nhằm vào hệ thống cảng và đường ống xuất khẩu đã khiến năng lực xuất khẩu dầu giảm khoảng 20%, tương đương gần 1 triệu thùng/ngày, buộc nước này phải tính đến phương án điều chỉnh sản lượng. Ở chiều thương mại, việc các quốc gia Đông Nam Á gia tăng nhập khẩu dầu nhiên liệu từ Brazil trong tháng 3 cho thấy sự dịch chuyển dòng chảy thương mại nhằm bù đắp cho sự thiếu hụt từ các nguồn cung truyền thống, đặc biệt là Trung Đông.

Thị trường dầu khu vực châu Á ghi nhận sự dịch chuyển đáng kể của dòng chảy thương mại nhằm bù đắp sự gián đoạn nguồn cung từ Trung Đông. Cụ thể, nhập khẩu dầu nhiên liệu từ Brazil vào Đông Nam Á đã tăng hơn gấp đôi so với tháng 2, đạt khoảng 800.000 - 1 triệu tấn (tương đương ~205.000 thùng/ngày), chủ yếu vào Singapore và Malaysia.

▪ *Cầu dầu mỏ:*

Trong tháng 03/2026, nhu cầu dầu toàn cầu vẫn duy trì ở mức cao, nhưng tốc độ tăng trưởng đã chậm lại rõ rệt dưới tác động đồng thời của giá dầu tăng mạnh, gián đoạn vận tải và bất ổn địa chính trị.

Theo IEA, chính cú sốc giá và gián đoạn thị trường đã khiến nhu cầu dầu thực tế giảm khoảng 1 triệu thùng/ngày trong giai đoạn tháng 3 - 4/2026 so với kỳ vọng trước đó, cho thấy độ nhạy đáng kể của cầu dầu trong ngắn hạn trước biến động giá. Bên cạnh yếu tố giá, nhu cầu dầu trong tháng 03/2026 còn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các gián đoạn vận tải và logistics, IEA cũng ghi nhận sự gián đoạn nguồn cung LPG và các sản phẩm dầu mỏ khác, qua đó làm giảm mức tiêu thụ trong ngắn hạn tại các khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp.

Tuy vậy, xét trên bình diện toàn cầu, nhu cầu dầu không sụt giảm mạnh trên diện rộng mà vẫn được duy trì bởi hoạt động kinh tế tại các trung tâm lớn. Nhu cầu dầu tại Mỹ vẫn duy trì tương đối ổn định dù chịu áp lực lớn từ giá nhiên liệu tăng mạnh. Các dữ liệu thị trường cho thấy giá dầu tăng đã kéo theo giá xăng và diesel tại Mỹ tăng đáng kể, trong đó giá diesel có thời điểm tăng tới 46%, gây áp lực chi phí lên vận tải và logistics. Tuy nhiên, nhu cầu không sụt giảm mạnh ngay lập tức mà chủ yếu điều chỉnh ở mức cục bộ, phản ánh đặc tính tiêu dùng năng lượng khó thay thế trong nền kinh tế Mỹ.

Tại châu Âu, nhu cầu dầu chịu tác động tiêu cực rõ rệt hơn do khu vực này phụ thuộc lớn vào nhập khẩu năng lượng và nhạy cảm với biến động giá. Theo các cảnh báo từ cơ quan năng lượng EU, khu vực này đang phải đối mặt với một “cú sốc năng lượng kéo dài”, trong đó giá nhiên liệu tăng cao buộc các chính phủ cân nhắc các biện pháp tiết giảm tiêu thụ như phân bổ nhiên liệu hoặc sử dụng dự trữ chiến lược.

Châu Á, đặc biệt là Trung Quốc, nhu cầu dầu trong tháng 03/2026 có dấu hiệu phân hóa nhưng vẫn đóng vai trò động lực chính của thị trường toàn cầu. Một số nhà máy lọc dầu độc lập tại Trung Quốc đã phải giảm công suất xuống khoảng 50% do giá dầu tăng mạnh làm thu hẹp biên lợi nhuận và nhu cầu nhiên liệu nội địa yếu

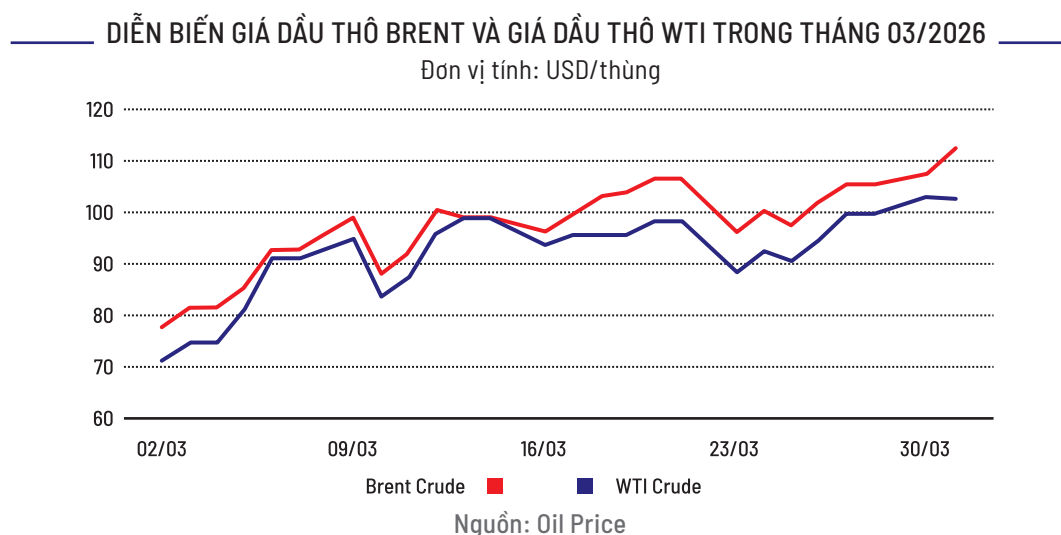
hơn kỳ vọng. Tuy nhiên, điều này không phản ánh sự suy giảm toàn diện của nhu cầu mà chủ yếu là sự điều chỉnh mang tính kỹ thuật trong ngành lọc hóa dầu. Đồng thời, nhu cầu nhập khẩu dầu của khu vực châu Á vẫn ở mức cao do phụ thuộc lớn vào nguồn cung Trung Đông

▪ **Diễn biến giá:**

Trong đầu tháng 03/2026, giá dầu thế giới bắt đầu tăng mạnh từ vùng thấp khoảng 75 - 83 USD/thùng do căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông gia tăng. Cụ thể, ngày 5/3, giá dầu Brent dao động quanh 81 - 83 USD/thùng, trong khi WTI ở mức khoảng 75 - 76 USD/thùng, cho thấy thị trường vẫn đang ở trạng thái cân bằng tương đối trước khi các cú sốc lớn xảy ra. Tuy nhiên, chỉ trong vài ngày sau đó, giá dầu đã tăng vọt khi xung đột leo thang, với Brent vượt 90 USD/thùng và WTI tiệm cận 91 USD/thùng vào ngày 7 - 9/3, tương ứng mức tăng tới hơn 8 - 12% chỉ trong một phiên.

Bước vào giai đoạn giữa tháng, giá dầu tiếp tục tăng mạnh và lần đầu tiên vượt mốc 100 USD/thùng kể từ năm 2022. Ngày 12/3, giá Brent đã đạt khoảng 100,39 USD/thùng, bất chấp việc các nước tiêu thụ lớn triển khai xả kho dự trữ chiến lược nhằm hạ nhiệt thị trường. Đến ngày 14 - 16/3, giá dầu duy trì quanh vùng 100 - 103 USD/thùng đối với Brent và khoảng 98 - 103 USD/thùng đối với WTI.

Giá dầu tăng mạnh hơn và bước vào giai đoạn biến động cao vào những ngày cuối tháng. Ngày 20/3, giá Brent tiến sát 110 USD/thùng, trong khi WTI dao động quanh 93 - 98 USD/thùng. Đến ngày 22 - /3, giá dầu Brent chính thức vượt mốc 110 USD/thùng, mức cao nhất kể từ giữa năm 2022, trong khi WTI tiệm cận ngưỡng 98 USD/thùng.



1.1.2. Thị trường trong nước

▪ **Cung dầu mỏ:**

Trước bối cảnh xung đột quân sự tại Trung Đông đang tạo ra những cú sốc lớn đối với thị trường năng lượng thế giới, kéo theo nguy cơ gián đoạn nguồn cung

và biến động mạnh giá xăng dầu, Chính phủ đã chủ động triển khai các giải pháp nhằm bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 385/QĐ-TTg thành lập Tổ công tác bảo đảm an ninh năng lượng trước diễn biến phức tạp của cuộc xung đột tại Trung Đông; đồng thời Bộ Công Thương cũng thành lập tổ công tác chuyên trách để theo dõi sát tình hình và kịp thời tham mưu các giải pháp điều hành.

Theo báo cáo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) trong tháng 03/2026, sản lượng khai thác dầu thô hiện đạt khoảng 180.000 thùng/ngày. Trong đó, khoảng 150.000 thùng/ngày được cung cấp cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Ở khâu chế biến, hai nhà máy lọc dầu chủ lực của Việt Nam là Dung Quất và Nghi Sơn tiếp tục vận hành ổn định trong suốt tháng. Nhà máy Dung Quất duy trì công suất ở mức cao, khoảng 118% công suất thiết kế, trong khi Nghi Sơn cũng bảo đảm đủ nguyên liệu đầu vào và vận hành an toàn, qua đó duy trì nguồn cung xăng dầu liên tục cho thị trường nội địa.

Song song với nguồn sản xuất trong nước, các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu vẫn đang tiếp tục nhập khẩu xăng dầu thành phẩm để cung ứng cho thị trường, dù chi phí nhập khẩu và vận chuyển có xu hướng tăng. Cùng với lượng dự trữ lưu thông tại doanh nghiệp theo quy định, nguồn cung xăng dầu cho thị trường trong tháng 3/2026 cơ bản được bảo đảm.

■ *Cầu dầu mỏ:*

Trong tháng 03/2026, nhu cầu dầu tại Việt Nam nhìn chung vẫn duy trì ở mức cao để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng, thể hiện qua việc Chính phủ liên tục chỉ đạo bảo đảm nguồn cung cho nền kinh tế. Theo báo cáo điều hành, nhu cầu xăng dầu trong nước gắn chặt với hoạt động của doanh nghiệp và người dân, đóng vai trò đầu vào thiết yếu cho vận tải, công nghiệp và tiêu dùng. Do đó, ngày 11/03, Chính phủ đã ban hành Công điện yêu cầu các bộ, ngành theo dõi sát tình hình “nhu cầu tiêu thụ” và chủ động điều tiết cung - cầu nhằm bảo đảm đủ xăng dầu cho nền kinh tế vận hành ổn định

Tuy nhiên, ghi nhận tại một số địa phương cho thấy sản lượng tiêu thụ xăng dầu giảm rõ rệt so với trước đó, riêng tại Quảng Ngãi, mức tiêu thụ trong tháng 3 đạt khoảng 41 triệu lít, giảm khoảng 13% so với cùng kỳ và có thời điểm giảm 15 - 20% so với giai đoạn cuối tháng 2. Nguyên nhân là do nhiều phương tiện vận chuyển đường bộ, đường thủy đã điều chỉnh lịch hoạt động; đồng thời, lượng phương tiện cá nhân sử dụng nhiên liệu xăng, dầu đã chuyển sang dùng phương tiện giao thông công cộng, để tiết kiệm chi phí trước giá xăng, dầu tăng.

Bên cạnh đó, cơ cấu nhu cầu dầu trong nước cũng có sự chuyển dịch đáng chú ý trong tháng 03/2026, khi tiêu dùng xăng sinh học (E5, E10) tăng mạnh. Theo Bộ Công Thương, nhu cầu đối với các loại nhiên liệu sinh học gia tăng nhờ giá bán thấp hơn xăng khoáng từ 3.000 - 5.000 đồng/lít, qua đó thúc đẩy tiêu dùng và làm thay đổi cấu trúc thị trường nhiên liệu.

▪ **Diễn biến giá:**

Trong nửa đầu tháng 03/2026, giá xăng dầu trong nước có xu hướng biến động nhẹ và mang tính điều chỉnh kỹ thuật theo diễn biến giá thành phẩm thế giới. Tại kỳ điều hành ngày 12/03, giá xăng được điều chỉnh với xu hướng tăng - giảm đan xen: xăng RON95 tăng nhẹ trong khi E5 RON92 giảm, còn các mặt hàng dầu (diesel, dầu hỏa) tăng đáng kể. Sau điều chỉnh, giá xăng RON95-III đạt khoảng 25.575 đồng/lít, còn E5 RON92 khoảng 22.504 đồng/lít.

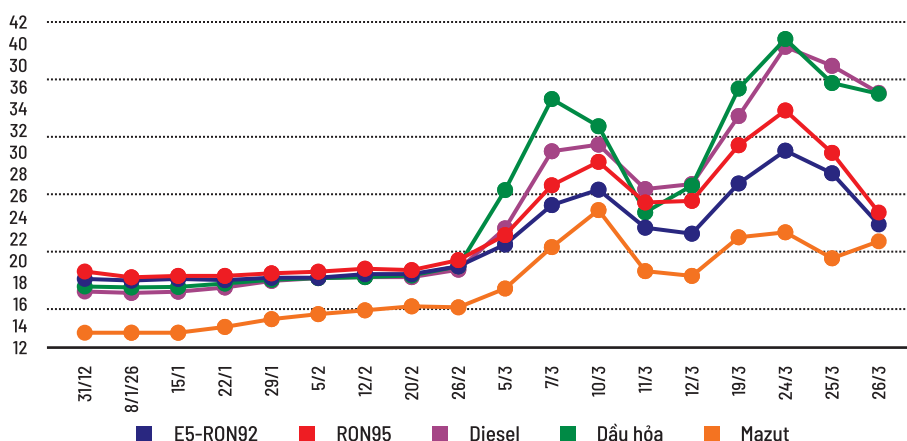
Bước vào giai đoạn giữa tháng, giá xăng dầu trong nước tăng mạnh theo xu hướng leo thang của giá dầu thế giới. Tại kỳ điều hành ngày 19/03, Liên Bộ Công Thương - Tài chính đã điều chỉnh tăng đồng loạt các mặt hàng xăng dầu, trong đó giá xăng RON95-III tăng tới 5.120 đồng/lít, lên mức 30.690 đồng/lít, còn E5 RON92 tăng lên 27.170 đồng/lít. Đây là mức tăng rất mạnh trong một kỳ điều hành, đưa giá xăng trong nước vượt ngưỡng 30.000 đồng/lít lần đầu kể từ năm 2022. Đồng thời, các sản phẩm dầu cũng tăng mạnh, với dầu diesel khoảng 30.420 đồng/lít và dầu hỏa lên tới gần 35.920 đồng/lít.

Sau giai đoạn tăng mạnh giữa tháng, thị trường xăng dầu Việt Nam ghi nhận đợt giảm sâu trong kỳ điều hành ngày 26/03, đánh dấu sự đảo chiều rõ rệt của xu hướng giá. Cụ thể, từ 24h ngày 26/3, giá xăng RON95-III được điều chỉnh xuống 24.332 đồng/lít, giảm tới 5.625 đồng/lít so với kỳ trước; xăng E5RON92 giảm xuống 23.326 đồng/lít, tương ứng mức giảm khoảng 4.749 đồng/lít. Không chỉ xăng, các mặt hàng dầu cũng được điều chỉnh giảm đáng kể trong cùng kỳ. Giá dầu diesel giảm còn khoảng 35.440 đồng/lít (giảm 2.459 đồng/lít), trong khi dầu hỏa giảm xuống khoảng 35.384 đồng/lít.

Nguyên nhân chính của đợt giảm mạnh này đến từ việc giá xăng dầu thành phẩm thế giới trong chu kỳ điều hành đã giảm đáng kể (khoảng 6 - 11% tùy mặt hàng), sau giai đoạn tăng nóng trước đó. Đồng thời, các yếu tố như tồn kho dầu thô Mỹ tăng và thông tin đàm phán địa chính trị đã khiến giá quốc tế hạ nhiệt, tạo điều kiện cho giá trong nước điều chỉnh giảm tương ứng.

DIỄN BIẾN GIÁ XĂNG DẦU TRONG NƯỚC

Đơn vị tính: Nghìn đồng/lít



Nguồn: Bộ Công Thương

1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung dầu mỏ:

Trong tháng 03/2026, các tổ chức năng lượng lớn, đã điều chỉnh đáng kể triển vọng nguồn cung dầu toàn cầu do tác động của xung đột địa chính trị tại Trung Đông. Theo báo cáo mới nhất được công bố giữa tháng, *IEA dự báo nguồn cung dầu toàn cầu năm 2026 chỉ tăng khoảng 1,1 triệu thùng/ngày*, giảm mạnh so với mức dự báo trước đó khoảng 2,4 triệu thùng/ngày. Nguyên nhân chính là do gián đoạn sản xuất và vận chuyển dầu tại khu vực Trung Đông, khiến triển vọng tăng trưởng nguồn cung bị thu hẹp đáng kể

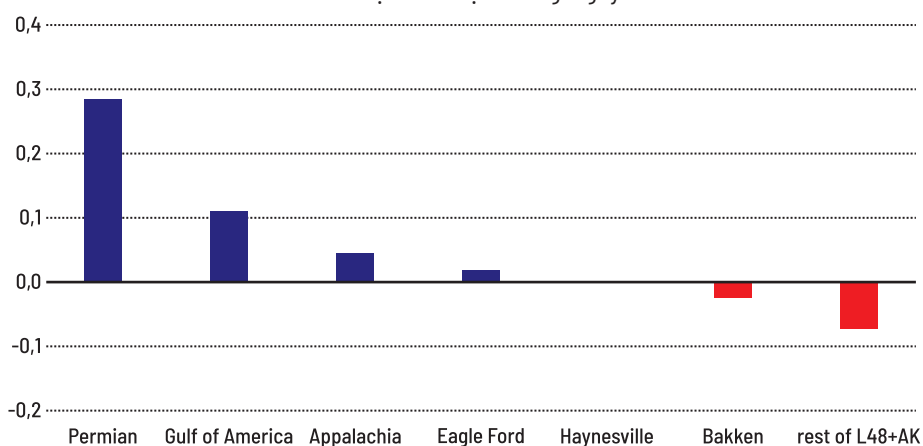
Đáng chú ý, *IEA đưa ra kịch bản ngắn hạn cho thấy nguồn cung toàn cầu có thể giảm tới 8 triệu thùng/ngày*, do ảnh hưởng trực tiếp từ xung đột và việc gián đoạn tuyến vận tải qua eo biển Hormuz. Đây được xem là mức suy giảm mang tính kỷ lục trong ngắn hạn, phản ánh mức độ nghiêm trọng của cú sốc nguồn cung hiện tại. Tuy nhiên, cơ quan này cũng nhấn mạnh rằng mức độ thiếu hụt thực tế sẽ phụ thuộc vào thời gian kéo dài của xung đột và khả năng khôi phục dòng chảy thương mại dầu mỏ.

Bên cạnh đó, các tổ chức quốc tế cũng dự báo rằng dù xảy ra cú sốc trong tháng 3, thị trường dầu năm 2026 vẫn có thể duy trì trạng thái dư cung nhẹ trong cả năm, với mức cung dự kiến cao hơn cầu khoảng 2,4 - 2,5 triệu thùng/ngày. Tuy nhiên, mức dư cung này đã giảm đáng kể so với các dự báo trước đó (khoảng 3,7 triệu thùng/ngày).

Bên cạnh đó, trong báo cáo Triển vọng Năng lượng ngắn hạn của EIA công bố ngày 10/03 cũng dự báo cho biết nguồn cung dầu toàn cầu trong năm 2026 vẫn có xu hướng tăng, nhưng tốc độ tăng trưởng chịu ảnh hưởng đáng kể từ biến động thị trường. Cụ thể, EIA dự báo sản lượng dầu thô của Mỹ - đạt trung bình khoảng 13,6 triệu thùng/ngày trong năm 2026, tăng nhẹ so với năm trước và tiếp tục là nguồn đóng góp quan trọng cho tăng trưởng nguồn cung toàn cầu.

THAY ĐỔI HÀNG NĂM VỀ SẢN LƯỢNG DẦU THÔ CỦA HOA KỲ THEO KHU VỰC

Đơn vị tính: triệu thùng/ngày



Nguồn: EIA

Tuy nhiên, EIA cũng nhấn mạnh rằng độ trễ trong chu kỳ đầu tư - khai thác khiến nguồn cung không thể phản ứng ngay lập tức với các cú sốc giá và địa chính trị. Theo phân tích trong báo cáo, việc giá dầu tăng trong tháng 3/2026 sẽ thúc đẩy hoạt động khoan và khai thác, nhưng sản lượng thực tế chỉ tăng rõ rệt hơn từ cuối năm 2026 và đặc biệt là năm 2027, khi sản lượng có thể đạt khoảng 13,8 triệu thùng/ngày.

▪ *Cầu dầu mỏ:*

Trong báo cáo tháng 03/2026, IEA đã điều chỉnh giảm đáng kể triển vọng nhu cầu dầu toàn cầu trong ngắn hạn do tác động của giá dầu tăng mạnh và bối cảnh kinh tế xấu đi. Cụ thể, cơ quan này cho biết tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu năm 2026 được hạ xuống còn khoảng 640.000 thùng/ngày, đồng thời riêng trong giai đoạn tháng 3 - 4, mức tăng nhu cầu bị cắt giảm hơn 1 triệu thùng/ngày so với dự báo trước đó.

Bên cạnh đó, các đánh giá công bố trong tháng 03/2026 cũng cho thấy nhu cầu dầu đang chịu áp lực kìm hãm từ cả yếu tố giá và triển vọng kinh tế. Theo IEA, việc giá dầu tăng mạnh do xung đột tại Trung Đông đã làm suy yếu nhu cầu trên diện rộng, đặc biệt trong các nhóm sản phẩm như nhiên liệu vận tải và nhiên liệu công nghiệp.

Các phân tích thị trường trong tháng cũng củng cố xu hướng này khi cho thấy nhu cầu dầu toàn cầu có nguy cơ bị kìm hãm nếu giá duy trì ở mức cao. Một số đánh giá cho rằng giá dầu tăng mạnh trong tháng 3/2026 (tăng hơn 50% kể từ cuối tháng 2) có thể làm giảm tiêu dùng năng lượng và kéo theo rủi ro suy giảm kinh tế, từ đó tiếp tục gây áp lực giảm lên nhu cầu dầu trong các quý tiếp theo.

Mặt khác, OPEC duy trì dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu năm 2026 ở mức khoảng 1,38 - 1,4 triệu thùng/ngày, không thay đổi so với các đánh giá trước đó. Theo tổ chức này, tổng nhu cầu dầu toàn cầu có thể đạt khoảng 106-106,5 triệu thùng/ngày, phản ánh mức tăng trưởng “ổn định và khỏe” bất chấp biến động địa chính trị.

Trong khi đó, EIA đưa ra góc nhìn trung gian giữa IEA và OPEC. Theo các tổng hợp báo cáo thị trường trong tháng 03/2026, EIA dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu khoảng 1,2 - 1,23 triệu thùng/ngày trong năm 2026, cao hơn đáng kể so với IEA nhưng thấp hơn một chút so với OPEC. EIA cho rằng nhu cầu vẫn được hỗ trợ bởi tăng trưởng kinh tế toàn cầu và tiêu thụ tại châu Á, dù chịu áp lực từ giá dầu cao.

▪ *Diễn biến giá:*

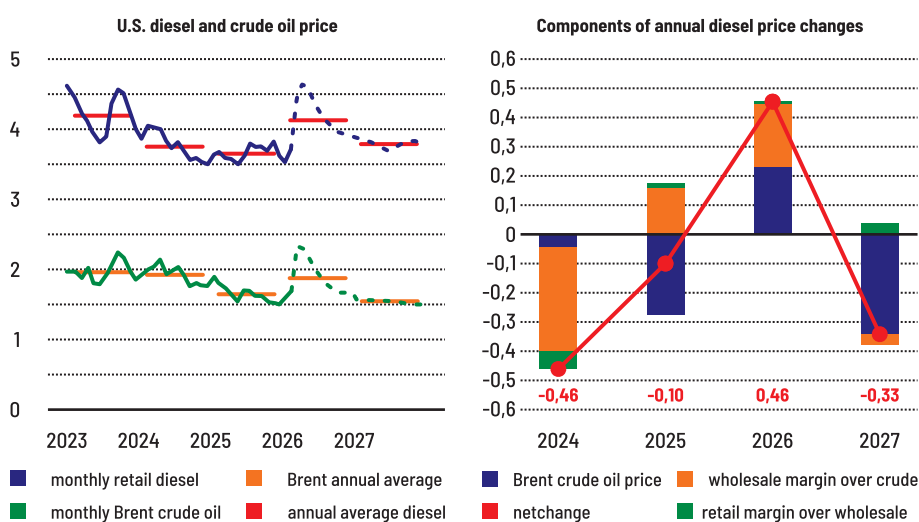
Các dự báo công bố trong tháng 03/2026 cho thấy giá dầu thế giới đang ở trạng thái biến động mạnh và phân hóa theo kịch bản trong ngắn hạn có xu hướng duy trì ở mức cao (trên 90 - 100 USD/thùng), thậm chí có thể tăng vọt trong các kịch bản rủi ro trong khi trung hạn có khả năng hạ nhiệt nếu nguồn cung được khôi phục.

Trong báo cáo tháng 03/2026, IEA cho biết giá dầu đã biến động rất mạnh ngay trong tháng, với dầu Brent có thời điểm tiệm cận 120 USD/thùng trước khi điều chỉnh về quanh 90 USD/thùng vào giữa tháng. Trên cơ sở đó, IEA nhận định giá dầu trong ngắn hạn sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao do gián đoạn nguồn cung tại Trung Đông, đồng thời cảnh báo rằng biến động giá sẽ còn lớn do phụ thuộc vào diễn biến địa chính trị và dòng chảy dầu qua eo biển Hormuz.

Ở góc nhìn khác, khảo sát của Reuters công bố cuối tháng 03/2026 cho thấy các chuyên gia đã điều chỉnh tăng mạnh dự báo giá dầu năm 2026. Cụ thể, giá dầu Brent được nâng lên mức trung bình khoảng 82,85 USD/thùng, tăng gần 30% so với dự báo trước đó; trong khi giá dầu WTI được nâng lên khoảng 76,78 USD/thùng.

Trong khi đó, EIA trong báo cáo công bố tháng 03/2026 đưa ra kịch bản ổn định hơn về trung hạn. Theo đó, EIA dự báo giá dầu Brent sẽ duy trì trên 95 USD/thùng trong ngắn hạn (1 - 2 tháng) trước khi giảm dần xuống dưới 80 USD/thùng vào quý III/2026 và khoảng 70 USD/thùng vào cuối năm, với điều kiện các gián đoạn nguồn cung được kiểm soát dần.

DỰ BÁO GIÁ DẦU DIESEL VÀ DẦU THÔ CỦA HOA KỲ



Nguồn: EIA

1.2.2. Thị trường trong nước

▪ **Cung dầu mỏ:**

Các dự báo và định hướng công bố trong tháng 03/2026 cho thấy nguồn cung dầu Việt Nam được đánh giá ổn định trong ngắn hạn nhưng tiềm ẩn rủi ro trong trung hạn, đặc biệt phụ thuộc vào diễn biến địa chính trị toàn cầu.

Bộ Công Thương nhận định nếu xung đột tại Trung Đông kéo dài sang các tháng sau, đặc biệt từ tháng 4/2026, nguồn cung xăng dầu trong nước có thể chịu áp lực lớn hơn do gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu và chi phí nhập khẩu tăng cao. Đây là một dự báo quan trọng cho thấy sự phụ thuộc nhất định của Việt Nam vào nguồn cung quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh các tuyến vận tải chiến lược bị ảnh hưởng.

Song song đó, trong các chỉ đạo và chính sách công bố trong tháng 03/2026, Chính phủ và Bộ Công Thương cũng xác định định hướng trung hạn nhằm bảo đảm nguồn cung bền vững. Các giải pháp được đưa ra bao gồm đa dạng hóa nguồn

cung dầu thô cho các nhà máy lọc dầu, tăng cường khai thác trong nước và duy trì vận hành tối đa, an toàn các nhà máy hiện có. Đồng thời, các doanh nghiệp dầu mới được yêu cầu xây dựng kế hoạch nhập khẩu, dự trữ và điều phối nguồn cung linh hoạt giữa các khu vực nhằm tránh thiếu hụt cục bộ.

Ngoài ra, một số đánh giá trong tháng cũng cho thấy định hướng dài hạn của Việt Nam là giảm áp lực lên nguồn cung xăng dầu thông qua việc bổ sung các nguồn nhiên liệu thay thế như ethanol, condensate và khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Điều này không chỉ nhằm bảo đảm an ninh năng lượng mà còn giúp giảm phụ thuộc vào nguồn cung dầu nhập khẩu trong bối cảnh thị trường toàn cầu biến động.

▪ *Cầu dầu mỏ:*

Các đánh giá trong tháng 03/2026 cũng cho thấy cơ quan quản lý đã chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó theo hướng nhu cầu có thể tiếp tục tăng hoặc biến động mạnh trong bối cảnh thị trường quốc tế bất ổn. Bộ Công Thương yêu cầu các doanh nghiệp dầu mới “chủ động dự báo tình hình thị trường, xây dựng phương án ứng phó và bảo đảm tổng nguồn xăng dầu tối thiểu năm 2026”, đồng thời duy trì nhập khẩu và dự trữ phù hợp với nhu cầu tiêu thụ trong nước.

Trong các đánh giá và chỉ đạo điều hành công bố tháng 03/2026, Bộ Công Thương cho thấy xu hướng chung là nhu cầu xăng dầu tại Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao trong các tháng tiếp theo, gắn với đà phục hồi của sản xuất công nghiệp, tiêu dùng và vận tải. Tuy nhiên, trong ngắn hạn (quý II/2026), nhu cầu dầu được dự báo sẽ chịu áp lực kìm hãm nhất định do giá nhiên liệu tăng cao. Các khuyến nghị trong tháng 03/2026 từ cơ quan quản lý về việc tiết kiệm năng lượng, sử dụng phương tiện công cộng và nhiên liệu thay thế cho thấy Chính phủ dự báo nhu cầu có thể bị điều chỉnh xuống ở một số phân khúc tiêu dùng. Điều này phù hợp với xu hướng đã ghi nhận trong tháng 3, khi tiêu thụ tại một số địa phương giảm 10 - 20% do giá tăng.

Ở góc nhìn rộng hơn, các đánh giá từ IEA và EIA trong tháng 03/2026 cho thấy nhu cầu dầu tại khu vực châu Á (trong đó có Việt Nam) sẽ tiếp tục là động lực chính của tăng trưởng tiêu thụ toàn cầu. Điều này hàm ý rằng trong trung hạn, nhu cầu dầu tại Việt Nam vẫn có xu hướng tăng cùng với tăng trưởng kinh tế và quá trình đô thị hóa, đặc biệt trong các lĩnh vực vận tải, logistics và sản xuất công nghiệp.

▪ *Diễn biến giá:*

Trong tháng 03/2026, các cơ quan quản lý và chuyên gia đều nhận định rằng giá xăng dầu trong nước sẽ tiếp tục biến động mạnh và bám sát xu hướng giá thế giới, do cơ chế điều hành hiện nay gắn trực tiếp với giá thành phẩm nhập khẩu. Bộ Công Thương khẳng định việc điều hành giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, trong đó giá bán lẻ trong nước được điều chỉnh dựa trên diễn biến giá quốc tế và chu kỳ điều hành định kỳ hoặc đột xuất khi biến động lớn.

Việc sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu và các công cụ tài khóa (như giảm thuế nhập khẩu, thuế môi trường) được đánh giá là yếu tố giúp hạn chế đà tăng quá

nhanh của giá trong nước. Theo các chuyên gia, nếu giá dầu thế giới tiếp tục biến động mạnh, Chính phủ có thể phải tiếp tục triển khai các biện pháp hỗ trợ hoặc điều chỉnh chính sách thuế để giảm áp lực lên giá bán lẻ.

Bên cạnh đó, cơ chế điều hành linh hoạt hơn cũng được đề cập trong tháng 03/2026, khi cơ quan quản lý cho phép điều chỉnh giá sớm hơn chu kỳ nếu giá thế giới biến động từ 7% trở lên cho thấy dự báo giá xăng dầu trong nước sẽ không chỉ biến động mạnh mà còn phản ứng nhanh hơn với thị trường quốc tế, làm gia tăng mức độ biến động trong ngắn hạn.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ **Cung khí:**

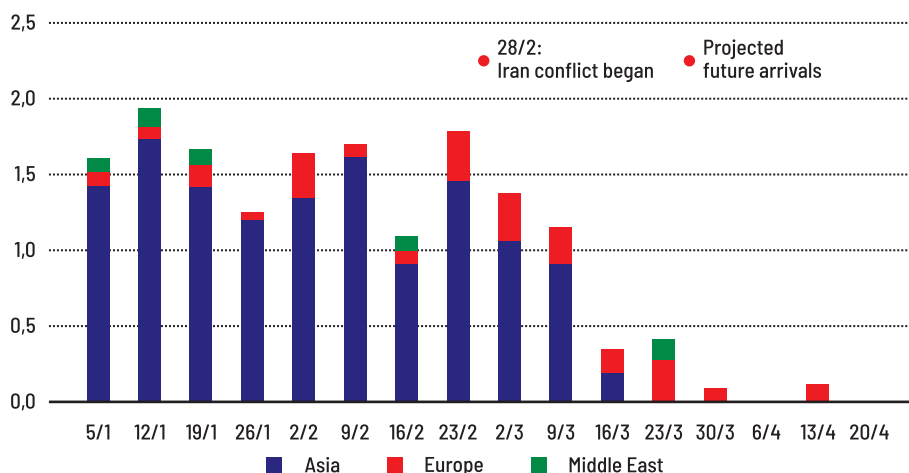
Căng thẳng tại Trung Đông đang làm rung chuyển thị trường năng lượng toàn cầu khi nguồn cung khí tự nhiên và LNG bị gián đoạn nghiêm trọng.

Trong tháng 3/2026, nguồn cung khí tự nhiên toàn cầu chịu tác động nghiêm trọng từ các yếu tố địa chính trị, đặc biệt là xung đột tại Trung Đông, làm gián đoạn đồng thời cả hoạt động sản xuất và vận chuyển năng lượng trên phạm vi quốc tế.

Về phía sản xuất, sự kiện đáng chú ý nhất xảy ra vào ngày 18/3/2026, khi tổ hợp khí hóa lỏng Ras Laffan tại Qatar - cơ sở LNG lớn nhất thế giới - bị tấn công, gây thiệt hại đáng kể và buộc phải tạm dừng một phần hoạt động. Đây là trung tâm xuất khẩu LNG quan trọng, trong bối cảnh Qatar chiếm khoảng 20% nguồn cung LNG toàn cầu. Theo các ước tính từ Reuters, sự cố này đã khiến công suất xuất khẩu LNG của Qatar suy giảm khoảng 17%, tương đương gần 12-13 triệu tấn mỗi năm, đồng thời ảnh hưởng kéo dài đến khả năng cung ứng trong trung hạn.

LƯỢNG LNG TỪ QATAR ĐẾN CÁC KHU VỰC

Đơn vị tính: mt (theo tuần)



Nguồn: AXSMarine (Signal Ocean data)

Không chỉ Qatar, các cơ sở năng lượng khác trong khu vực cũng chịu tác động. Mỏ khí South Pars tại Iran - mỏ khí lớn nhất thế giới - ghi nhận các

sự cố liên quan đến xung đột, làm gia tăng rủi ro gián đoạn nguồn cung. Những diễn biến này cho thấy hoạt động sản xuất khí tại Trung Đông, khu vực giữ vai trò trung tâm trong cung ứng LNG toàn cầu, đang đối mặt với mức độ bất ổn cao.

Bên cạnh yếu tố sản xuất, nguồn cung khí toàn cầu trong tháng 3 còn chịu ảnh hưởng mạnh từ sự gián đoạn trong vận chuyển. Eo biển Hormuz - tuyến hàng hải chiến lược vận chuyển năng lượng từ khu vực Vùng Vịnh ra thế giới - bị ảnh hưởng nghiêm trọng, khiến hoạt động trung chuyển LNG suy giảm rõ rệt. Theo Reuters, khu vực này xử lý khoảng 20% dòng chảy năng lượng toàn cầu, do đó bất kỳ sự gián đoạn nào cũng có tác động lan tỏa lớn đến thị trường.

Dữ liệu từ AXSMarine cho thấy lưu lượng LNG vận chuyển qua Hormuz giảm mạnh so với tháng trước, trong khi số lượng tàu LNG neo chờ tăng đáng kể so với mức thông thường. Điều này phản ánh tình trạng tắc nghẽn vận chuyển, khi một phần nguồn cung không thể rời khỏi khu vực sản xuất để đến các thị trường tiêu thụ. Nói cách khác, thị trường không chỉ thiếu nguồn cung mà còn gặp hạn chế nghiêm trọng trong khả năng phân phối, dẫn đến hiện tượng “cung bị mắc kẹt” trong hệ thống.

Tổng hợp cả hai yếu tố sản xuất và vận chuyển, quy mô gián đoạn nguồn cung LNG toàn cầu trong tháng 3/2026 được ước tính vào khoảng 20 - 25%. Đây là mức ảnh hưởng lớn, tương đương với các cú sốc năng lượng trước đây, cho thấy thị trường khí đang chịu áp lực kép từ cả phía cung và logistics.

Xét theo khu vực, Trung Đông là tâm điểm của gián đoạn khi vừa là khu vực sản xuất chủ chốt, vừa là trung tâm trung chuyển năng lượng toàn cầu. Sự gián đoạn tại đây đã ảnh hưởng trực tiếp đến dòng chảy LNG từ Qatar và các quốc gia Vùng Vịnh ra thị trường quốc tế.

Trong khi đó, các khu vực tiêu thụ lớn tiếp tục chịu áp lực từ nguồn cung không ổn định. Tại châu Âu, mức dự trữ khí giảm xuống khoảng 28,5%, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình nhiều năm (khoảng 38,1%), phản ánh rủi ro thiếu hụt trong ngắn hạn. Tại châu Á, nhu cầu LNG vẫn duy trì ở mức cao, đặc biệt tại các nền kinh tế lớn, làm gia tăng cạnh tranh nguồn cung trong bối cảnh thị trường bị gián đoạn.

Ở chiều ngược lại, một số nguồn cung thay thế có xu hướng gia tăng để bù đắp thiếu hụt. Xuất khẩu LNG của Mỹ đạt khoảng 11,7 triệu tấn trong tháng 3/2026, mức cao kỷ lục. Tuy nhiên, khả năng bù đắp vẫn còn hạn chế do phụ thuộc vào công suất hóa lỏng, hạ tầng vận chuyển và năng lực cảng, khiến thị trường khó có thể nhanh chóng cân bằng trở lại.

▪ *Cầu khí:*

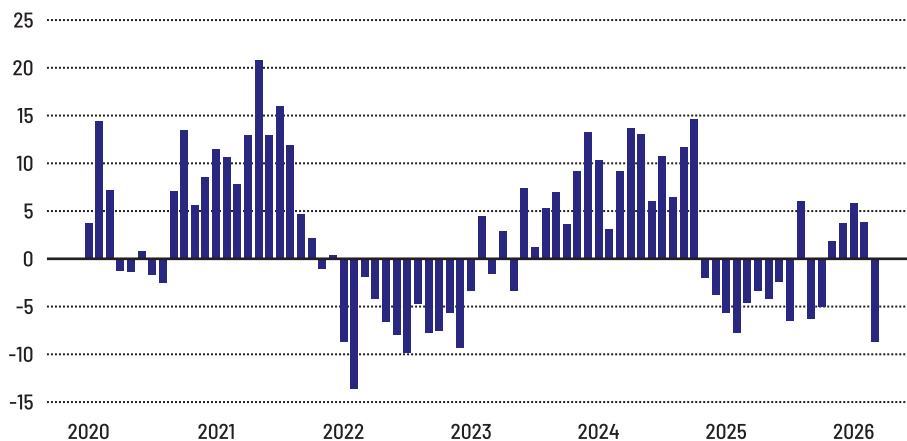
Trong tháng 3/2026, thị trường khí đốt toàn cầu ghi nhận sự sụt giảm rõ rệt về nhu cầu, chủ yếu do giá khí hóa lỏng (LNG) tăng cao và gián đoạn nguồn cung từ Trung Đông. Việc xung đột tại khu vực này làm gián đoạn vận chuyển LNG, đẩy giá khí trên thị trường châu Á và châu Âu tăng mạnh, khiến nhiều khách hàng nhạy cảm về giá phải hạn chế nhập khẩu.

Tại châu Á, mức giảm nhập khẩu LNG được ghi nhận sâu nhất trong hơn ba năm. Nhập khẩu LNG của Ấn Độ trong tháng 3 giảm khoảng 12,5% so với tháng trước, xuống còn 1,68 triệu tấn, trong khi Nhật Bản và Hàn Quốc cũng ghi nhận lượng

nhập khẩu giảm đáng kể. Đặc biệt, Trung Quốc đã tái xuất khẩu kỷ lục khoảng 1,31 triệu tấn LNG do nhu cầu nội địa yếu và lượng cung dư thừa. Sự tái xuất khẩu này cho thấy các nhà nhập khẩu Trung Quốc tận dụng thị trường giao ngay để giảm chi phí trong bối cảnh giá LNG tăng cao.

DIỄN BIẾN NHẬP KHẨU LNG CHÂU Á TRƯỚC GIÁN ĐOẠN HORMUZ

Đơn vị tính: % y/y



Nguồn: Bloomberg

Tại châu Âu, nhập khẩu khí đốt từ Nga tăng mạnh trong tháng 3 để bù đắp cho lượng LNG thiếu hụt từ Trung Đông, đảm bảo nguồn cung ổn định cho các quốc gia tiêu thụ lớn. Trong khi đó, xuất khẩu LNG của Mỹ đạt mức cao kỷ lục khoảng 11,7 triệu tấn, cho thấy nguồn cung vẫn dồi dào mặc dù nhu cầu tại các thị trường châu Á sụt giảm.

Như vậy, tháng 3/2026 chứng kiến một giai đoạn gián đoạn cầu - cung rõ rệt: nhu cầu LNG giảm mạnh tại châu Á do giá tăng và nguồn cung hạn chế, trong khi xuất khẩu từ Mỹ và nhập khẩu từ Nga giúp duy trì nguồn cung tại các khu vực khác. Tháng này phản ánh rõ sự căng thẳng của thị trường LNG toàn cầu, với chi phí cao và dòng hàng chưa cân bằng giữa các khu vực tiêu thụ lớn.

▪ **Diễn biến giá:**

Trong tháng 3/2026, giá khí đốt toàn cầu chứng kiến mức tăng đột biến, phản ánh lo ngại ngày càng lớn về nguy cơ gián đoạn nguồn cung năng lượng từ Trung Đông. Tại châu Âu, giá điện chuẩn leo lên 74 euro/MWh trong phiên giao dịch ngày 19/3, cao hơn gấp đôi so với thời điểm trước khi xung đột bùng phát, đồng thời giá khí đốt tăng vọt khoảng 35%. Tại châu Á, giá LNG giao ngay cũng tăng mạnh, với mức 25-27 USD/MMBtu, cao hơn đáng kể so với mức 16-18 USD/MMBtu hồi đầu năm, phản ánh tâm lý thận trọng của thị trường trước nguy cơ gián đoạn nguồn cung từ Qatar và các nước Vùng Vịnh.

Chi phí vận chuyển LNG cũng tăng đột biến trong tháng 3. Giá thuê tàu chở LNG giao ngay tăng từ khoảng 40.000 USD/ngày lên gần 300.000 USD/ngày, tức cao gấp

hơn 6 lần so với trước khi căng thẳng bùng phát. Nguyên nhân chính là nhiều tàu LNG phải thay đổi lộ trình hoặc hạn chế đi qua khu vực Trung Đông để đảm bảo an ninh, đặc biệt tại eo biển Hormuz.

Không chỉ LNG, giá LPG (khí dầu mỏ hóa lỏng) cũng tăng mạnh trong tháng 3/2026. Giá LPG trên thị trường quốc tế đạt khoảng 542 USD/tấn, tăng khoảng 17-20 USD/tấn so với đầu năm, phản ánh áp lực từ mặt bằng giá năng lượng toàn cầu trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị.

Các sự kiện địa chính trị cũng tác động trực tiếp đến sản lượng và thương mại LNG toàn cầu. Sự cố tấn công vào cơ sở khí tự nhiên hóa lỏng lớn nhất thế giới tại Iran đã làm gia tăng lo ngại về gián đoạn nguồn cung, khiến giá LNG tại châu Á tăng hơn 90% kể từ khi xung đột bùng phát cuối tháng 2/2026. Theo EnergyQuest, các nhà máy Gorgon, Wheatstone và Northwest Shelf của Australia chiếm gần một nửa lượng xuất khẩu LNG của quốc gia này trong tháng 3, tương đương khoảng 8,4% thương mại LNG toàn cầu.

DIỄN BIẾN GIÁ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/mmBTU



Nguồn: Trading Economics

2.1.2. Thị trường trong nước

▪ **Cung khí:**

Trong tháng 3/2026, trước bối cảnh thiếu hụt nguồn cung LPG và LNG trên thị trường quốc tế do xung đột tại Trung Đông, Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS) và đơn vị thành viên PV GAS TRADING đã triển khai một loạt giải pháp ứng phó nhằm đảm bảo cung cấp khí cho thị trường trong nước. Trước diễn biến phức tạp của nguồn cung quốc tế, PV GAS đã chủ động huy động nguồn khí nội địa, tăng cường tối ưu vận hành các nhà máy sản xuất khí hóa lỏng để gia tăng sản lượng LPG và condensate, đồng thời điều tiết tồn kho hợp lý nhằm duy trì nguồn cung liên tục phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước.

Trong tháng này, PV GAS tập trung đa dạng hoá nguồn nhập khẩu LPG để bù đắp thiếu hụt nguồn từ Trung Đông. Cụ thể, doanh nghiệp đã nhập khẩu khoảng 5.000 tấn LPG từ Hoa Kỳ và gần 38.000 tấn LPG từ Australia, qua đó đảm bảo nguồn hàng cho thị trường nội địa trong các tháng tiếp theo. Công ty cũng đã chủ động lên kế hoạch nhập khẩu thêm gần 48.000 tấn LPG từ Hoa Kỳ dự kiến về trong tháng 4, đồng thời huy động các chuyến tàu định áp nhỏ hơn nhằm đáp ứng nhu cầu đặt hàng của khách hàng.

Song song với việc tăng cường lượng hàng nhập khẩu, PV GAS và PV GAS TRADING đã thảo luận và thống nhất với các khách hàng trong nước phương án đăng ký nhu cầu trước để doanh nghiệp làm đầu mối tìm kiếm nguồn nhập khẩu “giao ngay” và phân phối lại theo giá chi phí không tính lợi nhuận nhằm chia sẻ khó khăn trong bối cảnh giá LPG toàn cầu tăng mạnh. Việc phối hợp chặt chẽ giữa PV GAS và khách hàng được xem là giải pháp trọng tâm để đảm bảo cung ứng LPG liên tục cho thị trường trong thời gian tới, đặc biệt cho giai đoạn tháng 4-5/2026.

Trước đó, từ đầu tháng 3, PV GAS cũng chủ động thu xếp các chuyến hàng LNG nhập khẩu nhằm đáp ứng nhu cầu khí thiên nhiên cho sản xuất điện và công nghiệp. Trong tháng, PV GAS đã thu xếp hai chuyến tàu LNG, mỗi chuyến khoảng 70.000 tấn, một chuyến nhập từ Qatar trước xung đột và một chuyến từ khu vực Đông Nam Á, nhằm đảm bảo nguồn khí cho các nhà máy điện và hoạt động sản xuất khác. Điều này phản ánh nỗ lực đảm bảo nguồn khí LNG bất chấp giá LNG toàn cầu tăng và các rủi ro chuỗi cung ứng.

Theo thông tin công bố, dù Việt Nam phụ thuộc một phần vào nguồn LPG nhập khẩu (trước đây khoảng 70% LPG nhập từ Trung Đông), PV GAS vẫn cam kết không để gián đoạn nguồn cung LPG và LNG cho thị trường nội địa trong tháng 3 và thời gian tiếp theo. Đồng thời, thông tin từ Bộ Công Thương cho biết nguồn cung nhiên liệu nói chung tại Việt Nam trong tháng 3 được “cơ bản đảm bảo”, nhờ các nhà máy lọc dầu nội địa hoạt động ổn định và nguồn nhập khẩu được duy trì.

■ *Cầu khí:*

Trong tháng 3/2026, nhu cầu LPG tại Việt Nam tăng cao do sự gia tăng giá khí trên thị trường quốc tế và nhu cầu tiêu dùng cuối mùa đông - đầu mùa hè. Theo Cục Hải quan, trong năm 2025, Việt Nam nhập khẩu khoảng 3,6 triệu tấn khí hóa lỏng (bao gồm LNG và LPG), với tổng kim ngạch hơn 2 tỷ USD, cho thấy thị trường nội địa vẫn phụ thuộc khá lớn vào nguồn LPG nhập khẩu. Vì vậy, các biến động giá quốc tế thường có độ trễ nhưng vẫn tác động rõ rệt đến thị trường gas trong nước.

Tại các kho chứa của doanh nghiệp Gas South, tính đến hết ngày 10/3, lượng LPG tồn kho chỉ đạt khoảng 1.601 tấn trên tổng dung tích 8.100 tấn, cùng 205 tấn tại 17 trạm nạp. Do nguồn cung thiếu hụt so với nhu cầu thực tế, lượng LPG nhập về phải nhanh chóng chiết nạp vào bình để cung ứng cho khách hàng dân dụng, khiến tồn kho luôn duy trì ở mức thấp. Theo ước tính, nhu cầu tiêu thụ trong tháng 3 tại TP.HCM và các tỉnh lân cận khoảng 4.500 tấn, trong khi khả năng cung ứng thực tế chỉ đạt 75-80%.

Nguồn LPG tại khu vực phía Nam chủ yếu phụ thuộc vào PV GAS TRADING và Hyosung Vina, nhưng trong tháng 3, hai nhà cung cấp này chưa có kế hoạch giao hàng nhập khẩu cho các tháng 4 và 5, tạo ra áp lực đối với thị trường. Để ứng phó, các doanh nghiệp đã triển khai chiết nạp bình gas từ 12 kg xuống 8 kg, nhằm phân bổ nguồn hàng cho nhiều hộ gia đình hơn; trong trường hợp cần thiết, phương án chiết nạp xuống 6 kg hoặc 4 kg cũng có thể được áp dụng để kéo dài thời gian cung ứng.

Như vậy, tháng 3/2026 là giai đoạn cung thiếu so với cầu trong nước, đặc biệt tại khu vực phía Nam, đòi hỏi các doanh nghiệp phải tối ưu tồn kho và phân phối LPG một cách linh hoạt để đảm bảo nguồn cung cho người dân và các khách hàng công nghiệp.

▪ *Diễn biến giá:*

Trong tháng 3/2026, giá khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) trong nước trải qua chuỗi điều chỉnh tăng mạnh, phản ánh áp lực từ giá LPG quốc tế tăng cao do gián đoạn nguồn cung toàn cầu. Trước tình hình này, các doanh nghiệp phân phối và các thương nhân kinh doanh khí hóa lỏng liên tiếp điều chỉnh giá bán lẻ, khiến giá LPG trong nước tăng nhiều lần trong tháng.

Ngay từ đầu tháng 3, thị trường ghi nhận ít nhất 5 lần điều chỉnh tăng giá LPG liên tiếp tại khu vực TP.HCM và các tỉnh phía Nam, với tổng mức tăng tổng cộng khoảng 160.000 đồng/bình 12 kg sau bốn đợt tăng giá và chỉ một đợt giảm nhẹ khoảng 18.000 đồng. Diễn biến này phản ánh sự nhạy cảm của thị trường nội địa trước biến động giá nguyên liệu đầu vào và giá LPG thế giới.

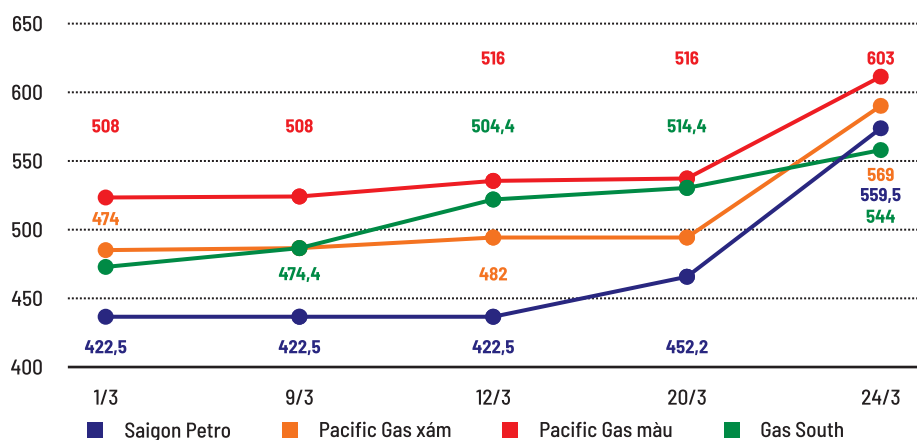
Cụ thể, ngày 6/3 và 8/3, các hãng gas đồng loạt tăng giá, mỗi lần tăng từ 10.000 đến 30.000 đồng mỗi bình 12 kg. Đến ngày 12/3, giá gas tiếp tục được điều chỉnh tăng khoảng 30.000 đồng/bình 12 kg, đưa mức giá bán lẻ bình 12 kg phổ biến lên trên 500.000 đồng/bình tại nhiều thương hiệu lớn.

Một nguyên nhân quan trọng khiến giá LPG trong nước liên tục tăng là do giá LPG quốc tế tăng mạnh, đẩy chi phí mua vào của doanh nghiệp lên cao. Giá nguyên liệu đầu vào tăng kéo theo chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho và chi phí tài chính điều chỉnh theo, khiến các đơn vị kinh doanh phải điều chỉnh giá bán lẻ để bù đắp chi phí. Ngoài ra, căng thẳng địa chính trị kéo dài từ cuối tháng 2/2026 cũng làm tăng rủi ro chuỗi cung ứng, ảnh hưởng đến nguồn LPG toàn cầu và tạo tâm lý điều chỉnh giá trong nước.

Trong bối cảnh giá LPG tăng cao, các doanh nghiệp trong nước như PV GAS/TRADING đã chủ động đàm phán phương án đảm bảo nguồn LPG cung ứng, phối hợp cùng khách hàng để tối ưu hóa nhập khẩu và phân phối theo giá chi phí nhằm giảm áp lực tăng giá quá mức, đặc biệt cho các đối tượng khách hàng công nghiệp và dân dụng.

DIỄN BIẾN GIÁ BÌNH GAS 12KG CỦA MỘT SỐ DOANH NGHIỆP TRONG THÁNG 03/2026

Đơn vị tính: Nghìn đồng



Nguồn: Dân Việt

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ **Cung khí:**

Trong bối cảnh thị trường năng lượng toàn cầu đang chịu áp lực lớn từ các biến động địa chính trị và rủi ro gián đoạn nguồn cung, tháng 3/2026 đánh dấu một giai đoạn căng thẳng chưa từng có đối với nguồn cung LNG. Giá khí và chi phí vận chuyển tăng mạnh, nhu cầu nhập khẩu tại châu Á, châu Âu và các thị trường lớn khác tiếp tục duy trì ở mức cao, trong khi các tuyến vận chuyển chiến lược như eo biển Hormuz từng bị tắc nghẽn đã làm gia tăng rủi ro gián đoạn dòng chảy năng lượng.

Ngay cả khi eo biển Hormuz được khơi thông, nguồn cung LNG toàn cầu sẽ vẫn khan hiếm. Đó là do 17% công suất LNG của Qatar sẽ tiếp tục bị gián đoạn trong khoảng từ 3-5 năm do các cuộc tấn công vào nhà máy LNG Ras Laffan - Bộ trưởng Năng lượng Qatar Saad Al-Kaabi cho biết trong tuần này. “Thiệt hại này có nghĩa là chúng tôi sẽ buộc phải tuyên bố bất khả kháng trong tối đa 5 năm đối với một số hợp đồng LNG dài hạn”, ông ông Al-Kaabi nói.

Mặc dù thị trường LNG toàn cầu đã được dự báo sẽ bước vào giai đoạn mở rộng mạnh mẽ trong nửa cuối thập kỷ này, song các cú sốc hiện tại đang làm chậm tiến trình tái cân bằng cung - cầu. Theo các kịch bản trước đó, đến năm 2030, tổng nguồn cung LNG có thể đạt 650 - 670 triệu tấn, vượt nhu cầu khoảng 3% - 15%. Tuy nhiên, những gián đoạn tại Trung Đông, đặc biệt là tại Qatar, đang khiến nhiều dự án bị trì hoãn, làm suy yếu triển vọng dư cung.

Trong ngắn hạn, các nhà sản xuất lớn như Mỹ, Canada, Nga và một số quốc gia châu Phi được kỳ vọng sẽ đóng vai trò bù đắp phần nào lượng thiếu hụt. Mỹ có kế hoạch đưa vào vận hành thêm hàng chục triệu tấn công suất LNG trong giai đoạn 2026 - 2027, trong khi Canada và Mexico cũng đang thúc đẩy các dự án mới. Tuy

nhiên, phần lớn các cơ sở này vẫn cần thời gian để hoàn thiện, và khó có thể thay thế ngay lập tức lượng cung bị mất từ Trung Đông.

Các chuyên gia nhận định rằng quá trình bù đắp nguồn cung sẽ diễn ra theo từng giai đoạn. Từ năm 2027 - 2028, thị trường có thể bắt đầu ghi nhận sự cải thiện khi các dự án mới đi vào hoạt động. Tuy nhiên, phải đến khoảng năm 2030, nguồn cung toàn cầu mới có khả năng phục hồi hoàn toàn và đạt trạng thái cân bằng tương đối. Điều này đồng nghĩa với việc thị trường sẽ phải đối mặt với tình trạng thắt chặt kéo dài ít nhất 3 - 5 năm.

▪ *Cầu khí:*

Nhu cầu khí đốt toàn cầu dự kiến tiếp tục tăng, đặc biệt ở các thị trường châu Á. Theo Shell trong báo cáo LNG Outlook 2026 công bố tháng 3/2026, nhu cầu LNG toàn cầu từ mức 422 triệu tấn vào năm 2025 sẽ tăng 54-68% vào năm 2040 và 45 - 85% vào năm 2050, chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu phát điện và công nghiệp tại châu Á. Shell nhấn mạnh LNG sẽ tiếp tục đóng vai trò chủ lực trong cơ cấu năng lượng toàn cầu, hỗ trợ quá trình chuyển đổi năng lượng.

Trong cùng tháng, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) công bố báo cáo Gas Market Report Q1-2026 dự báo nhu cầu khí tự nhiên toàn cầu sẽ tăng gần 2% trong năm 2026 so với 2025. IEA cho biết châu Á và các thị trường đang phát triển sẽ là động lực chính thúc đẩy nhu cầu, trong khi châu Âu tiếp tục có mức tiêu thụ biến động do gia tăng năng lượng tái tạo và nhập khẩu LNG.

Báo cáo Short-Term Energy Outlook của U.S. Energy Information Administration (EIA) ngày 10/3/2026 dự báo nhu cầu khí tại Bắc Mỹ sẽ ổn định hoặc tăng nhẹ trong năm 2026, nhờ tiêu dùng phát điện và nhu cầu nội địa duy trì ở mức ổn định. EIA ước tính giá khí trung bình năm 2026 khoảng 3,8 USD/MMBtu, phản ánh thị trường khí tương đối ổn định tại khu vực này.

Dự báo theo khu vực cho thấy nhu cầu khí tại châu Á - Thái Bình Dương tăng khoảng 4% trong năm 2026 nhờ phục hồi tiêu dùng công nghiệp và phát điện, trong khi châu Âu dự kiến giảm khoảng 2% do gia tăng năng lượng tái tạo, mặc dù nhập khẩu LNG vẫn cao để bù thiếu hụt. Bắc Mỹ tăng nhẹ dưới 1%, Trung Đông và châu Phi tăng khoảng 3,5%, còn Trung và Nam Mỹ giảm nhẹ do phát triển năng lượng tái tạo.

▪ *Diễn biến giá:*

Giá khí đốt toàn cầu được dự báo duy trì ở mức cao trong bối cảnh nguồn cung tiếp tục thắt chặt và rủi ro địa chính trị gia tăng. Các nhà phân tích nhận định thị trường đang đối mặt với tình trạng thiếu hụt kéo dài, trong đó giá khí tại châu Âu có thể tăng lên khoảng 72 euro/MWh trong ngắn hạn. Khu vực này chịu áp lực lớn khi mức dự trữ khí vẫn thấp hơn đáng kể so với trung bình nhiều năm, buộc phải cạnh tranh gay gắt với châu Á để đảm bảo nguồn cung LNG hạn chế.

Triển vọng giảm giá trong ngắn hạn được đánh giá là không rõ ràng, ngay cả trong kịch bản tích cực khi các xung đột địa chính trị sớm được kiểm soát. Nhiều chuyên

gia cho rằng thị trường vẫn sẽ đối mặt với tình trạng thiếu hụt mang tính cấu trúc, khiến giá khí trung bình trong vài năm tới có thể duy trì trong khoảng 500 - 700 USD/1.000 m³, cao hơn đáng kể so với giai đoạn trước khủng hoảng năng lượng.

Theo Morgan Stanley, thị trường có thể chứng kiến một “làn sóng mua LNG” trong các tháng mùa hè (tháng 6 - 7), khi các quốc gia tăng cường tích trữ, qua đó có thể đẩy giá khí chuẩn TTF tại châu Âu lên khoảng 90 euro/MWh. Ngân hàng này cũng cảnh báo rằng các chính phủ châu Âu có thể phải tái áp dụng các biện pháp hỗ trợ như trợ cấp công suất lưu trữ để khuyến khích bổ sung dự trữ.

Trong kịch bản tiêu cực hơn, nếu các gián đoạn nguồn cung - đặc biệt tại các cơ sở xuất khẩu lớn như Ras Laffan (Qatar) - kéo dài đến giữa năm hoặc lâu hơn, Morgan Stanley cho rằng giá khí có thể quay trở lại mức cực đoan như năm 2022, dao động trong khoảng 100 - 200 euro/MWh hoặc cao hơn. Đồng thời, ngân hàng này cũng nâng dự báo giá khí năm 2027 lên khoảng 45 euro/MWh, phản ánh tình trạng thắt chặt kéo dài do chậm trễ trong mở rộng nguồn cung LNG toàn cầu.

Bên cạnh đó, nhà phân tích Sergey Kaufman (Financial Group) cho rằng việc gián đoạn nguồn cung LNG từ khu vực Vùng Vịnh do khả năng đóng cửa eo biển Hormuz, ngay cả trong thời gian ngắn, cũng có thể đẩy giá khí tại châu Âu vượt mức 600 USD/1.000 m³. Điều này cho thấy thị trường khí toàn cầu vẫn rất nhạy cảm với các cú sốc địa chính trị và rủi ro gián đoạn nguồn cung.

2.2.2. Thị trường trong nước

Trong các dự báo công bố tháng 3/2026, Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) cho biết giá LNG quốc tế đã tăng khoảng 50% do tác động của căng thẳng địa chính trị, đồng thời doanh nghiệp này dự kiến nguồn LNG tồn kho và các lô hàng nhập khẩu có thể đảm bảo cung ứng khí cho thị trường trong nước đến hết tháng 4/2026.

Theo Bộ Công Thương trong kế hoạch năng lượng cập nhật năm 2026, sản lượng khí tự nhiên trong nước giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến đạt khoảng 5,4 - 11 tỷ m³ mỗi năm, cho thấy nguồn cung nội địa không tăng mạnh trong ngắn hạn.

Về nhu cầu dài hạn, theo VCCI trích dẫn các báo cáo năng lượng quốc tế công bố đầu năm 2026, nhu cầu LNG của Việt Nam có thể tăng từ khoảng 0,5 triệu tấn năm 2025 lên khoảng 17 triệu tấn vào năm 2050, chủ yếu phục vụ phát điện.

Ngoài ra, theo Ken Research (2026), nhu cầu khí tự nhiên tại Việt Nam được dự báo tăng trưởng trung bình khoảng 5% mỗi năm đến năm 2035, phản ánh xu hướng mở rộng tiêu thụ khí trong cơ cấu năng lượng.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung phân bón:*

Hiện nay, cán cân cung - cầu của thị trường phân bón toàn cầu đang trong trạng thái thắt chặt, chủ yếu do nguồn cung tập trung vào một số quốc gia có vai trò lớn trong thương mại quốc tế như Trung Quốc, Ma-rốc, Nga, Mỹ và các nước vùng Vịnh. Áp lực này không hoàn toàn đến từ thiếu hụt công suất sản xuất, mà đến từ các biện pháp kiểm soát xuất khẩu, lệnh trừng phạt và gián đoạn logistics.

Tại Trung Quốc, nước này duy trì kiểm soát xuất khẩu phân bón thông qua hạn ngạch và cơ chế cấp phép theo từng giai đoạn, đồng thời áp dụng giá sàn, làm giảm đáng kể nguồn cung giá rẻ ra thị trường quốc tế. Ở Nga, xuất khẩu vẫn bị hạn chế bởi các lệnh trừng phạt và thay đổi trong logistics, trong khi Liên minh châu Âu đã áp thuế nhập khẩu từ Nga và Belarus, tăng từ 6,5% lên 100% vào năm 2028 theo lộ trình. Iran, một nhà xuất khẩu ure lớn, cũng đang đối mặt nguy cơ gián đoạn nguồn cung khi xung đột leo thang, đặc biệt với các tuyến vận tải qua eo biển Hormuz, làm tăng chi phí vận chuyển và bảo hiểm.

Tại châu Âu, sản xuất phân bón mới chỉ phục hồi khoảng 75% so với mức bình thường, trong khi Ai Cập phải hạn chế cung khí cho một số nhà máy, gây gián đoạn hoạt động sản xuất. Ở Nam Á, nhiều nhà máy buộc phải cắt giảm sản lượng do thiếu khí đốt, trong khi các cơ sở tại Qatar, Ả Rập Xê Út và Iran gặp khó khăn trong vận chuyển qua Hormuz. Theo dữ liệu Kpler, hơn 1,1 triệu tấn phân bón và nguyên liệu đầu vào, trong đó có khoảng 570.000 tấn ure, đang bị mắc kẹt ở vùng Vịnh hoặc đang được bốc xếp trên tàu.

Công suất sản xuất phân bón nitơ toàn cầu bị ảnh hưởng trực tiếp từ giá khí tự nhiên tăng cao và gián đoạn sản xuất tại Trung Đông. Các nhà sản xuất lớn như QAFCO (Qatar) đã đóng cửa nhà máy ure công suất 5,6 triệu tấn/năm, trong khi Ấn Độ, Pakistan và Bangladesh phải giảm hoặc tạm ngừng sản xuất. Tình trạng thiếu hụt xuất hiện đúng vào mùa gieo trồng ở Bắc bán cầu, khiến các chuyên gia cảnh báo sản lượng thu hoạch có thể giảm đối với các lương thực chủ lực như gạo.

Trong bối cảnh thị trường thắt chặt, các nước đang tìm cách bổ sung nguồn cung và dự trữ phân bón. Ấn Độ tập trung tìm kiếm nguồn ure từ Trung Quốc, Brazil tăng mua phân bón từ Maroc và các quốc gia vùng Vịnh, đồng thời tìm nguồn từ Bolivia. Tại châu Âu, Hy Lạp và Pháp triển khai hỗ trợ tài chính cho nông dân, trong khi Ghana triển khai chương trình cấp phát phân bón miễn phí. Dữ liệu từ Kpler và CRU cho thấy gián đoạn vận tải qua Hormuz đã ảnh hưởng khoảng 38% nguồn cung phân bón nitrat và 20% phosphate toàn cầu, trong khi khu vực vùng Vịnh cung cấp gần một nửa lượng ure xuất khẩu toàn cầu, làm thị trường phân bón đặc biệt nhạy cảm với xung đột Trung Đông.

▪ *Cầu phân bón:*

Trong tháng 03/2026, nhu cầu phân bón toàn cầu vẫn duy trì ở mức cao nhờ sự phục hồi sản xuất nông nghiệp tại nhiều thị trường lớn. Brazil ghi nhận lượng phân bón giao tới nông dân đạt 49,11 triệu tấn trong năm 2025, tăng 7,7% so với 45,61 triệu tấn năm 2024, phần lớn do nhu cầu từ các loại cây trồng chủ lực như ngô, đậu nành và lúa mì tăng mạnh. Dữ liệu do Hiệp hội Phân phối Phân bón Quốc gia Brazil (ANDA) công bố cho thấy xu hướng này tiếp diễn sang đầu năm 2026 khi các vụ mùa vụ Đông - Xuân được triển khai.

Tại Ấn Độ, một trong những nước tiêu thụ phân bón lớn nhất thế giới, chính phủ đã tiến hành mở thầu nhập khẩu khoảng 1,3 triệu tấn ure để bù đắp nguồn cung phục vụ mùa gieo trồng mùa hè. Thông tin này được Bộ Hóa chất và Phân bón Ấn Độ đưa ra trong báo cáo tháng 03/2026, đồng thời cho thấy quốc gia này phải đa dạng hóa nguồn cung từ Nga, Maroc, Canada và các nước khác để đáp ứng nhu cầu dự kiến khoảng 39 triệu tấn trong mùa vụ đông xuân - hè.

Trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhu cầu phân bón tiếp tục được duy trì ở mức cao do nền nông nghiệp phục hồi sau các gián đoạn logistics và chi phí đầu vào tăng cao. Theo khảo sát thị trường tháng 03/2026 của các chuyên gia phân tích dữ liệu hàng hóa, các quốc gia Đông Nam Á và Nam Á như Pakistan và Bangladesh ghi nhận yêu cầu đặt hàng tăng khoảng 10-12% so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt đối với các sản phẩm ure và phân phức hợp.

Tại châu Âu, nhu cầu phân bón cũng giữ ở mức ổn định trong tháng 03/2026 mặc dù sản xuất nội địa vẫn chưa hoàn toàn phục hồi do chi phí năng lượng cao và sản lượng khí thiếu hụt. Theo thống kê của Bloomberg và CRU Group, lượng đặt hàng nhập khẩu phân bón vào tháng 3 tăng khoảng 5% so với tháng 2, phản ánh việc các nước châu Âu dự trữ phân bón phục vụ vụ mùa Xuân - Hè.

Nhìn chung, nhu cầu phân bón toàn cầu trong tháng 03/2026 vẫn ở mức cao và không có dấu hiệu suy giảm, dù chịu sức ép từ chi phí đầu vào tăng và gián đoạn nguồn cung. Xu hướng phục hồi sản xuất nông nghiệp tại Brazil và nhu cầu nhập khẩu lớn ở Ấn Độ và các nước châu Á - Thái Bình Dương là các yếu tố chủ chốt duy trì cầu thị trường, góp phần khiến giá phân bón tiếp tục neo ở mức cao trong ngắn hạn.

▪ *Diễn biến giá:*

Trong tháng 03/2026, thị trường phân bón toàn cầu chứng kiến mức tăng giá mạnh trên hầu hết các loại sản phẩm chủ chốt. Giá ure, loại phân bón nitơ phổ biến nhất, tăng liên tục gần một tháng, từ mức khoảng 450 USD/tấn cuối tháng 2 lên 684 USD/tấn giữa tháng, thậm chí đạt đỉnh 717,74 USD/tấn sau khi xung đột Mỹ - Israel tại Iran leo thang vào cuối tháng 2. Phân lân DAP cũng tăng mạnh, đạt 851 USD/tấn, trong khi các loại phân bón còn lại trong nhóm 8 sản phẩm chủ chốt đều ghi nhận mức tăng thẳng đứng, phản ánh áp lực từ nguồn cung hạn chế và nhu cầu cao trong vụ gieo hạt mùa xuân tại Bắc bán cầu.

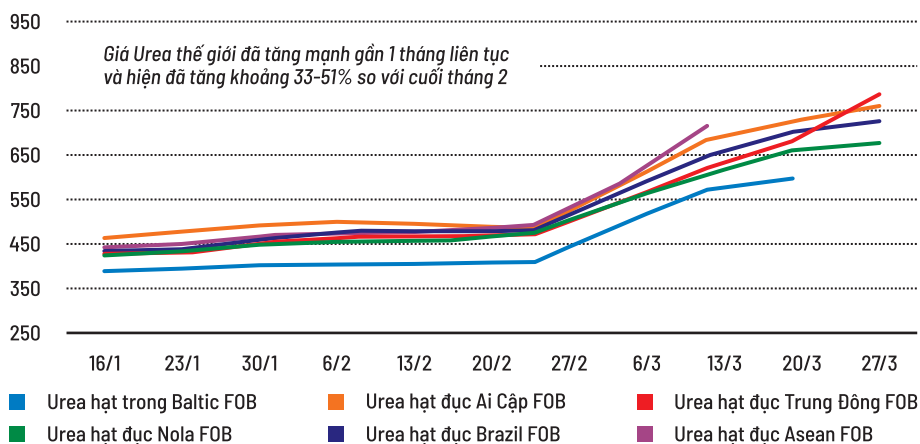
Nguyên nhân chính khiến giá phân bón tăng mạnh là sự phụ thuộc lớn vào khí đốt tự nhiên, vốn chiếm phần lớn chi phí sản xuất phân bón nitơ. Giá amoniac và các loại phân bón khác cũng tăng theo, tạo áp lực lớn đối với chi phí đầu vào của nông dân. Giá ure trở thành tâm điểm, tăng 83% từ đầu năm và 50% kể từ khi các cuộc tấn công vào Iran diễn ra, phản ánh mức độ thiếu hụt nguồn cung trên thị trường quốc tế.

Cuộc khủng hoảng diễn ra đúng vào thời điểm nhu cầu phân bón toàn cầu đạt đỉnh cho vụ gieo trồng mùa xuân ở Bắc bán cầu. Tình trạng căng thẳng tại Trung Đông làm gián đoạn các tuyến vận chuyển quan trọng, đặc biệt là qua eo biển Hormuz - nơi vận chuyển hơn một nửa nguồn cung lưu huỳnh toàn cầu và khoảng 30% lượng ure xuất khẩu thế giới - khiến thị trường trở nên cực kỳ nhạy cảm với biến động địa chính trị và giá năng lượng.

Từ đầu tháng 3 đến giữa tháng, giá phân bón ghi nhận mức tăng 33 - 51% so với cuối tháng 2, trong khi ure tăng hơn 40% kể từ khi xung đột bắt đầu, tạo ra môi trường giá cao và thắt chặt nguồn cung trên toàn cầu. Diễn biến này dự báo sẽ tiếp tục gây áp lực lên chi phí sản xuất nông nghiệp và kế hoạch gieo trồng của nhiều quốc gia trong các tháng tới.

DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN URE THẾ GIỚI THÁNG 03/2026

Đơn vị tính: USD/tấn



Nguồn: AgroMonitor

3.1.2. Thị trường trong nước

▪ Cung phân bón:

Dù chịu ảnh hưởng chung, Việt Nam vẫn có “vùng đệm” là khả năng tự chủ hoàn toàn mặt hàng ure. Các doanh nghiệp lớn như Đạm Phú Mỹ và Đạm Cà Mau sử dụng nguồn khí tự nhiên nội địa làm đầu vào, giúp ngành nông nghiệp trong nước phần nào cách ly khỏi cơn bão giá khí tự nhiên hóa lỏng đang càn quét toàn cầu. Một số doanh nghiệp lớn đã chủ động nhập khẩu và tích trữ lượng lớn DAP, Kali và phân hữu cơ ngay từ quý IV-2025. Nhờ chiến lược dự phòng đi trước này, thị trường

trong nước tạm thời đảm bảo được nguồn cung chăm bón cho vụ Đông Xuân và chuẩn bị cho vụ Hè Thu 2026, giúp nông dân nội địa tránh được tình trạng “có tiền nhưng không có hàng” như ở nhiều quốc gia khác, theo cập nhật từ Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam.

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nhập khẩu đối với các loại phân SA và kali. Nhận thức được rủi ro này, các doanh nghiệp đầu ngành như Đạm Cà Mau đã chủ động nhập khẩu và tích trữ lượng lớn DAP, kali và phân hữu cơ ngay từ quý IV/2025. Nhờ chiến lược dự phòng đi trước này, thị trường trong nước tạm thời đảm bảo được nguồn cung chăm bón cho vụ Đông Xuân và chuẩn bị cho vụ Hè Thu 2026, giúp nông dân nội địa tránh được tình trạng “có tiền nhưng không có hàng” như ở nhiều quốc gia khác

Trung Quốc, nước đang xuất khẩu lượng lớn phân bón cho Việt Nam cũng đã quyết định giải phóng kho dự trữ phân bón thương mại để chuẩn bị cho mùa gieo trồng sớm trong năm nay, đồng thời tạm ngừng xuất khẩu khi chiến sự tại Trung Đông làm gián đoạn các dòng chảy thương mại toàn cầu và đẩy giá các loại dinh dưỡng cho cây trồng tăng lên cao. Thông tin này được nhiều doanh nghiệp sản xuất phân bón tại Việt Nam xác nhận và lo lắng nguồn cung trong nước có nguy cơ đứt gãy.

▪ *Câu phân bón:*

Trong tháng 03/2026, nhu cầu phân bón tại Việt Nam duy trì ở mức cao do bắt đầu mùa gieo sạ vụ lúa xuân và các cây trồng vụ đông-xuân. Các tỉnh đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long ghi nhận nhu cầu sử dụng ure, DAP và NPK tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt đối với lúa và ngô, nhằm đảm bảo năng suất trước tình trạng giá phân bón thế giới tăng cao.

Các nhà cung cấp trong nước, bao gồm cả các đơn vị thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem), báo cáo lượng phân bón bán ra trong nửa đầu tháng 3 tăng khoảng 15 - 20% so với tháng 02/2026, tập trung chủ yếu vào ure và DAP. Nhu cầu tăng mạnh còn xuất phát từ việc các doanh nghiệp nông nghiệp đẩy mạnh dự trữ trước những biến động về giá và nguồn cung trên thị trường quốc tế.

Đáng chú ý, nhu cầu ure và DAP tại thị trường nội địa được hỗ trợ bởi chính sách khuyến nông, ưu đãi tín dụng và chương trình hỗ trợ giá phân bón cho nông dân tại nhiều địa phương. Điều này giúp nông dân duy trì kế hoạch gieo trồng đúng lịch mùa vụ, bất chấp giá phân bón thế giới liên tục tăng.

▪ *Diễn biến giá:*

Mặc dù nguồn cung không thiếu hụt, giá ure trong nước tăng nhẹ trong Giữa bối cảnh căng thẳng chuỗi cung ứng toàn cầu, thị trường phân bón nội địa cũng ghi nhận các mức giá đáng chú ý tính đến ngày 24/3. Giá ure Cà Mau và Phú Mỹ đang giao dịch lần lượt ở mức trung bình khoảng 675.000 đồng và 645.000 đồng mỗi bao 50 kg, cao hơn khoảng 100.000 - 130.000 đồng mỗi bao so với cùng kỳ năm trước, tương đương mức tăng trên 15 - 20%.

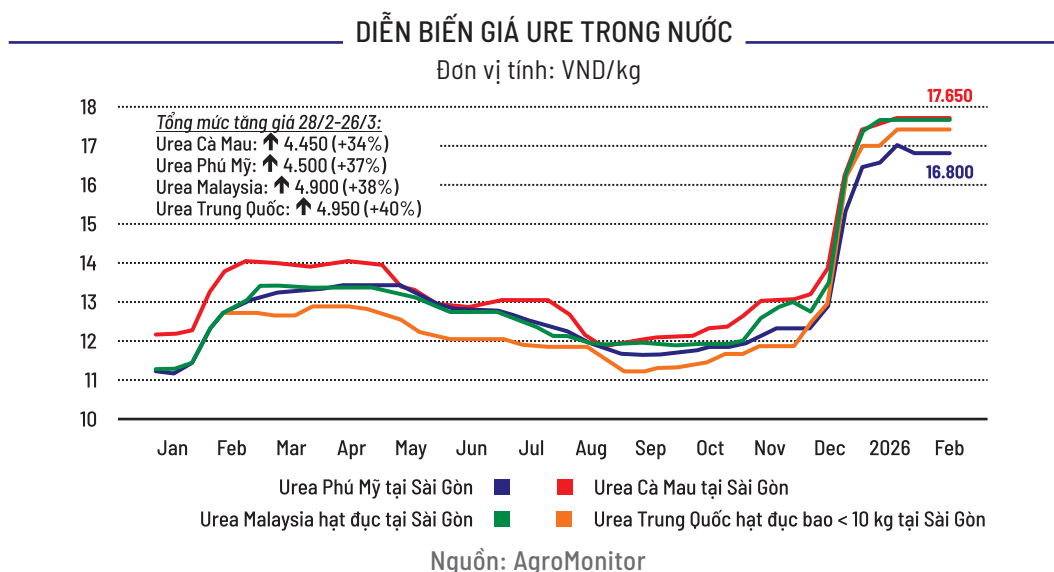
BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 04/2026

Ở phân khúc DAP, hàng nhập khẩu từ Nga có giá khoảng 1.245.000 đồng mỗi bao, cao hơn mức 1.095.000 đồng của DAP Hàn Quốc. Đối với dòng phân bón NPK, mức giá dao động từ 715.000 đến 960.000 đồng mỗi bao tùy thương hiệu, trong đó NPK 20-20-15 Bình Điền ghi nhận mức cao nhất.

Các mặt hàng khác như Kali bột duy trì quanh mốc 545.000 đến 560.000 đồng mỗi bao, trong khi phân lân Lâm Thao và Văn Điển giữ giá ổn định hơn ở mức 305.000 đến 315.000 đồng mỗi bao, nhưng vẫn cao hơn đáng kể so với trước khi giá phân bón thế giới vào chu kỳ tăng.

Theo thông tin từ Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam, tính giữa tháng 03/2026, toàn bộ 8 loại phân bón chủ chốt trên thị trường đều ghi nhận mức tăng giá thẳng đứng. Giá ure thế giới đã chạm mốc 674 USD/tấn. Phân lân DAP đạt 851 USD/tấn.

Tuần cuối tháng 3, giá ure trong nước đã tăng chậm lại sau khi tăng mạnh liên tục 3 tuần liên tiếp, với tổng mức tăng đến nay đã đạt 25-41% so với cuối tháng 2.



3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung phân bón:

Trong thời gian tới, nguồn cung phân bón toàn cầu dự báo sẽ tiếp tục gặp áp lực thắt chặt, chủ yếu do gián đoạn tại các nước xuất khẩu lớn ở Trung Đông. Các nhà phân tích của CRU dự báo sản lượng ure và các loại phân bón nitơ khác từ Qatar, Iran và Ả Rập Xê Út sẽ vẫn hạn chế trong nhiều tháng tiếp theo, khi các cuộc tấn công và tình trạng bất ổn chính trị chưa được kiểm soát hoàn toàn. Điều này khiến việc vận chuyển qua eo biển Hormuz tiếp tục gặp khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến dòng chảy phân bón toàn cầu.

Tại Trung Quốc, chính sách hạn ngạch xuất khẩu và giá sàn được duy trì, khiến nguồn cung phân bón giá rẻ ra thị trường quốc tế tiếp tục hạn chế. Dự báo trong quý II/2026, tình trạng này vẫn còn, đặc biệt đối với ure và DAP, làm tăng sức ép lên các quốc gia nhập khẩu lớn.

Ở châu Âu, sản xuất phân bón dự kiến chỉ phục hồi dần, đạt khoảng 75 - 80% công suất bình thường, trong khi chi phí khí đốt cao và các lệnh hạn chế xuất khẩu từ Nga và Belarus tiếp tục gây áp lực lên nguồn cung. Bắc Mỹ và Nam Mỹ được kỳ vọng sẽ bù đắp một phần thiếu hụt, nhưng các dự án bổ sung cần thời gian hoàn thiện, nên chưa thể thay thế ngay nguồn cung bị gián đoạn từ Trung Đông và Trung Quốc.

▪ *Cầu phân bón:*

Các quốc gia nhập khẩu lớn, đặc biệt là Ấn Độ, đang đẩy mạnh mua vào nhằm đáp ứng nhu cầu nội địa và chuẩn bị cho các mùa vụ sắp tới. Diễn biến này có thể làm gia tăng cạnh tranh nguồn cung trong ngắn hạn, nhất là tại các thị trường phụ thuộc nhập khẩu.

Trong thời gian tới, nhu cầu ure toàn cầu được dự báo duy trì ở mức cao, dẫn dắt bởi Ấn Độ và một số quốc gia châu Phi đang mở rộng tiêu thụ. Đối với nhóm DAP/MAP, tăng trưởng nhu cầu dự kiến ở mức thấp nhất trong các chủng loại phân bón do mặt bằng giá cao và nguồn cung hạn chế, khiến nông dân tại nhiều nước có xu hướng tối ưu hóa lượng bón hoặc chuyển sang sản phẩm thay thế.

Ngược lại, nhu cầu Kali được dự báo tăng trưởng ổn định trong năm 2026 nhờ mặt bằng giá đã điều chỉnh về mức hợp lý hơn so với giai đoạn 2022, khuyến khích hoạt động bón bù tại Brazil và Đông Nam Á. Đồng thời, nhu cầu phân đạm dự kiến tiếp tục tăng tại các thị trường châu Á và Mỹ Latinh, góp phần duy trì mặt bằng tiêu thụ Nitơ toàn cầu ở mức tích cực.

▪ *Diễn biến giá:*

Trong cập nhật triển vọng ngành phân bón mới đây, Chứng khoán SHS cho biết khi chiến tranh kéo dài, dự báo giá ure có thể sẽ quay lại vùng đỉnh cũ năm 2022 ở mức khoảng 600 - 630 USD/ thùng, tuy nhiên, vùng giá này có thể không duy trì quá lâu khi OPEC tiến hành tăng sản lượng khai thác dầu mỏ/ngày, và nhiều nước lớn trên thế giới (Mỹ, Nga) xả kho dự trữ để giữ ổn định giá dầu.

Theo Fitch Ratings, giá phân bón toàn cầu có thể tiếp tục tăng nếu xung đột kéo dài và tuyến vận tải qua Hormuz chưa được khôi phục. Tổ chức này cảnh báo phân bón nitơ sẽ là nhóm chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do phụ thuộc nhiều vào khí đốt tự nhiên và nguồn cung từ Trung Đông.

3.2.2. Thị trường trong nước

▪ *Cung phân bón:*

Theo ước tính, nếu đà tăng tiếp diễn, nhu cầu tiêu thụ trong nước có thể giảm xuống còn khoảng 1,6-1,7 triệu tấn, thấp hơn so với mức 1,8-1,9 triệu tấn trước đó. Điều này đồng nghĩa với việc nông dân phải cân nhắc giảm lượng phân bón, kéo theo nguy cơ ảnh hưởng đến năng suất cây trồng.

SHS cũng cho rằng thời tiết thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp phân bón. Dự báo hiện tượng La Nina duy trì hết quý I/2026 sau đó duy trì pha trung tính kéo dài đến hết năm giúp lượng mưa lớn và đều hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho người nông dân chăm sóc, bón phân cho cây trồng. Lượng mưa lớn giúp thủy điện có đủ nước, làm giảm cạnh tranh nguồn cung khí, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất phân đạm.

▪ *Cầu phân bón:*

Theo dự báo của Công ty Chứng khoán MBS, tổng sản lượng tiêu thụ phân bón nội địa năm 2026 ước đạt khoảng 10,7 triệu tấn, tăng 2% so với năm trước. ure tiếp tục là chủng loại có nhu cầu lớn nhất, trong đó các vụ lúa Đông Xuân và Hè Thu chiếm hơn 50% tổng lượng tiêu thụ.

Nhu cầu DAP được dự báo tăng mạnh tại Tây Nguyên và Tây Nam Bộ, nhờ diện tích cây ăn trái và cây công nghiệp duy trì hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, mặt bằng giá nhập khẩu cao có thể khiến người mua thận trọng hơn trong quyết định mua hàng.

Đối với Kali, hành vi mua dự kiến biến động theo hướng tăng tích trữ sớm nhằm hạn chế rủi ro gián đoạn nguồn cung và biến động giá. Nhu cầu Kali chất lượng cao phục vụ cây công nghiệp xuất khẩu được dự báo tiếp tục chiếm ưu thế.

▪ *Diễn biến giá:*

Tại Việt Nam, giá phân bón được dự báo tiếp tục tăng mạnh trong nửa đầu năm 2026 trước khi duy trì ở mặt bằng cao. Nguyên nhân đến từ nhu cầu nhập khẩu lớn của Ấn Độ, chi phí logistics gia tăng do căng thẳng địa chính trị, chính sách hạn chế xuất khẩu từ Trung Quốc và các rào cản thương mại mới từ EU.

Dưới tình hình căng thẳng địa chính trị như hiện nay, giá phân bón được dự báo sẽ tiếp tục tăng mạnh trong nửa đầu năm 2026, sau đó neo ở mức nền cao, do: Ấn Độ tiếp tục mở thầu mua 1,5 triệu tấn ure trước 03/2026 và nhu cầu phân bón ở nước này vẫn duy trì khá cao.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng 03/2026, thị trường điện thế giới ghi nhận nhiều diễn biến đáng chú ý, phản ánh rõ xu hướng gia tăng nhu cầu điện, áp lực vận hành hệ thống và chuyển dịch sang mô hình năng lượng tích hợp - linh hoạt.

Nhu cầu điện toàn cầu tiếp tục tăng cao, đặc biệt tại các khu vực đang bước vào giai đoạn cao điểm tiêu thụ. Dữ liệu vận hành hệ thống tại một số quốc gia cho thấy mức tiêu thụ điện đạt kỷ lục mới, phản ánh xu hướng tăng trưởng phụ tải gắn với quá trình phục hồi kinh tế và nhu cầu làm mát.

Song song với đó, dữ liệu công bố cuối tháng 03/2026 cho thấy tổng công suất điện tái tạo toàn cầu đã đạt gần 50% tổng công suất điện lắp đặt vào năm 2025, chủ yếu nhờ sự bùng nổ của điện mặt trời và điện gió. Theo IEA, sản lượng điện từ năng lượng tái tạo dự kiến tăng khoảng 1.000 TWh mỗi năm trong giai đoạn tới, với điện mặt trời đóng vai trò chủ đạo. Xu hướng này cho thấy thị trường điện toàn cầu đang bước vào giai đoạn chuyển dịch sâu, trong đó nguồn điện phát thải thấp dần chiếm ưu thế.

Tuy nhiên, trong tháng 03/2026, an ninh năng lượng điện toàn cầu chịu áp lực lớn từ biến động địa chính trị, đặc biệt là xung đột tại Trung Đông. Việc gián đoạn nguồn cung dầu và LNG - trong đó khoảng 20% lưu lượng năng lượng toàn cầu đi qua eo biển Hormuz đã gây ra biến động mạnh về giá nhiên liệu đầu vào. Giá LNG giao ngay tại châu Á tăng mạnh (có thời điểm tăng hơn 100%), làm gia tăng chi phí sản xuất điện tại nhiều quốc gia phụ thuộc khí tự nhiên. Theo IEA, đây được xem là một trong những cú sốc năng lượng nghiêm trọng nhất trong lịch sử, buộc nhiều quốc gia phải sử dụng dự trữ chiến lược và triển khai các biện pháp điều tiết nhu cầu điện.

4.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 03/2026, thị trường điện Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng phụ tải rõ rệt và mang tính đột biến theo mùa, phản ánh sự chuyển sang giai đoạn cao điểm tiêu thụ sớm hơn thông lệ. Dữ liệu công bố cho thấy ngày 31/03, sản lượng điện tiêu thụ toàn hệ thống lần đầu tiên vượt mốc 1 tỷ kWh/ngày, đánh dấu mức cao kỷ lục ngay từ cuối quý I/2026. Đồng thời, mức tăng trưởng phụ tải thể hiện rõ theo vùng, trong đó khu vực miền Bắc tăng tới 11,9% so với cùng kỳ, cho thấy áp lực tiêu thụ điện tập trung mạnh tại khu vực công nghiệp và dân cư phía Bắc.

Theo báo cáo của EVN, trong 2 tháng đầu năm 2026, tổng sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu đạt trên 48,2 tỷ kWh (tăng 7,09%), trong khi điện thương phẩm đạt 43,5 tỷ kWh (tăng 8,46%) so với cùng kỳ 2025. Cơ cấu nguồn điện tiếp tục cho thấy sự phụ thuộc lớn vào nhiệt điện than (chiếm khoảng 51%), tiếp theo là thủy điện (~22%) và năng lượng tái tạo (~16%).

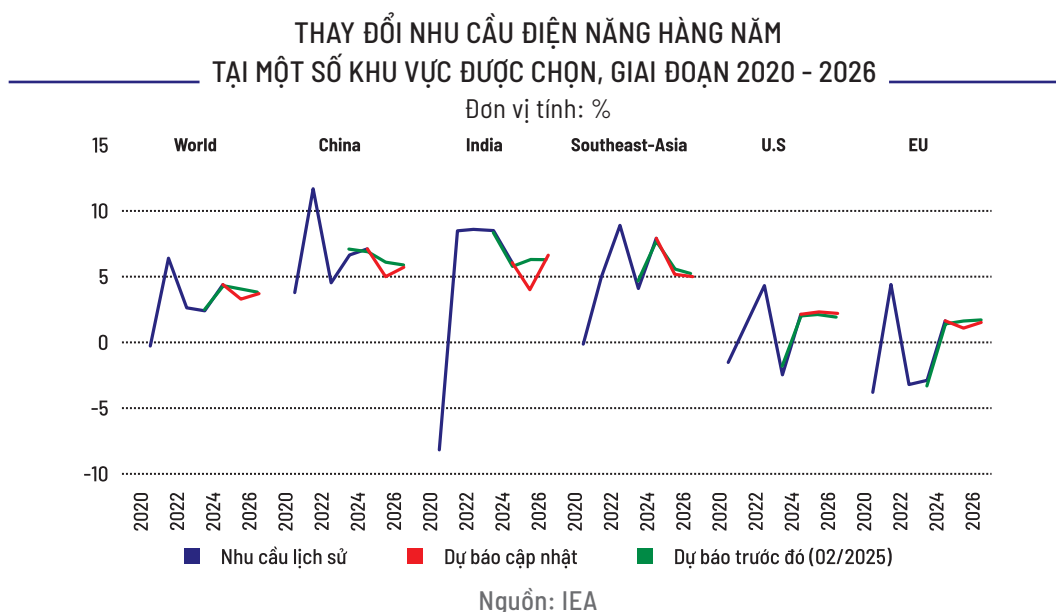
Về phía cung ứng và vận hành, các đơn vị phát điện trong tháng 3 hoạt động trong điều kiện áp lực cao nhưng vẫn đảm bảo ổn định hệ thống. Theo EVNGEN-CO1, sản lượng điện tháng 3 đạt khoảng 3,4 tỷ kWh, với các nhà máy duy trì vận hành an toàn trong bối cảnh phụ tải tăng và thị trường nhiên liệu biến động. Đáng chú ý, khối thủy điện vận hành thuận lợi nhờ điều kiện thủy văn tốt, trong khi nhiệt điện được yêu cầu duy trì độ khả dụng cao để sẵn sàng đáp ứng nhu cầu huy động tăng trong mùa khô.

Bên cạnh đó, điều kiện thủy văn và nhiên liệu trong tháng 3 được đánh giá tương đối thuận lợi, góp phần hỗ trợ vận hành hệ thống. Lượng nước tích trữ trong các hồ thủy điện đến cuối tháng 2 tương đương khoảng 11,5 tỷ kWh, trong khi tồn kho than, khí và dầu tại các nhà máy nhiệt điện được duy trì trên mức tối thiểu. Tuy nhiên, các cơ quan quản lý cũng đồng thời cảnh báo về khả năng nắng nóng kéo dài và suy giảm thủy văn trong các tháng tiếp theo, có thể gây áp lực lên nguồn cung điện nếu không được điều hành hợp lý.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Nhu cầu điện toàn cầu được dự báo tiếp tục tăng trưởng nhanh và mang tính dài hạn. Theo báo cáo Điện lực 2026 của IEA (công bố và được cập nhật trong bối cảnh đầu năm 2026), nhu cầu điện toàn cầu dự kiến tăng trung bình khoảng 3,6%/năm trong giai đoạn 2026 - 2030, cao hơn đáng kể so với tốc độ tăng của tổng nhu cầu năng lượng. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ các yếu tố cấu trúc như điện hóa nền kinh tế, nhu cầu làm mát, xe điện và đặc biệt là sự phát triển của trung tâm dữ liệu và AI.



Ở cấp độ quốc gia, Mỹ được dự báo là một trong những thị trường điện tăng trưởng mạnh nhất trong ngắn hạn, với nhu cầu điện liên tục lập kỷ lục mới. Theo dự báo công bố trong tháng 03/2026 của EIA, tiêu thụ điện tại Mỹ có thể đạt khoảng 4.260 tỷ kWh năm 2026 và tiếp tục tăng lên 4.388 tỷ kWh năm 2027. Các kịch bản phân tích cũng cho thấy nếu nhu cầu từ dữ liệu số tăng nhanh hơn dự kiến, giá điện bán buôn tại một số khu vực (như Texas) có thể tăng mạnh do thiếu hụt công suất và hạn chế truyền tải, phản ánh rủi ro mất cân đối cung - cầu cục bộ.

Bên cạnh đó, IEA dự báo đến cuối thập kỷ này, tổng sản lượng điện từ năng lượng tái tạo và hạt nhân có thể chiếm khoảng 50% cơ cấu phát điện toàn cầu, trong khi khí tự nhiên vẫn đóng vai trò quan trọng trong cân bằng hệ thống. Đồng thời, các dự báo công bố trong tháng 03/2026 cũng cho thấy tốc độ mở rộng công suất tái tạo toàn cầu vẫn rất lớn, với khoảng 4.600 GW công suất mới được bổ sung đến năm 2030, chủ yếu từ điện mặt trời và điện gió. Điều này phản ánh xu hướng chuyển dịch năng lượng tiếp tục tăng tốc, nhưng mang tính “chuyển tiếp” với sự tồn tại song song của nhiều loại hình nguồn điện.

4.2.2. Thị trường trong nước

Nhu cầu điện Việt Nam được dự báo tiếp tục tăng mạnh, đặc biệt trong giai đoạn mùa khô, tạo áp lực lớn lên hệ thống điện quốc gia. Ngành điện đang chuẩn bị các kịch bản vận hành trong bối cảnh tiêu thụ điện có thể đạt mức kỷ lục sớm hơn thường lệ, khi đỉnh phụ tải năm 2026 đã xuất hiện ngay từ cuối tháng 3 thay vì giữa tháng 5 như các năm trước. Cụ thể, công suất cực đại hệ thống đã đạt gần 48.800 MW, tăng hơn 5% so với cùng kỳ, phản ánh xu hướng tăng trưởng phụ tải cao hơn dự kiến ban đầu.

Song song với đó, các dự báo trong tháng 3 cũng cho thấy nhu cầu điện gắn chặt với mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao của Việt Nam, qua đó kéo theo áp lực lớn về cung ứng. EVN nhận định hệ thống điện cần đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số, đồng nghĩa với việc điện năng thương phẩm sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng cao trong các năm tới, đòi hỏi mở rộng cả nguồn và lưới điện. Trong bối cảnh này, EVN dự kiến duy trì quy mô đầu tư lớn (khoảng 5 tỷ USD/năm giai đoạn 2026 - 2030) nhằm đảm bảo cân đối cung - cầu điện và tránh nguy cơ thiếu điện cục bộ.

Bên cạnh đó, theo Bộ Công Thương, tình hình thủy văn đầu năm 2026 tương đối thuận lợi, với lượng nước tích trữ trong các hồ thủy điện đạt khoảng 11,5 tỷ kWh, tạo dư địa tích cực cho vận hành hệ thống. Đồng thời, nguồn nhiên liệu cho nhiệt điện (than, khí, dầu) cơ bản được đảm bảo ở mức tồn kho an toàn. Tuy nhiên, do nhu cầu điện tăng nhanh, hệ thống vẫn phải huy động tối đa các nguồn phát, đặc biệt là nhiệt điện và thủy điện, để đáp ứng phụ tải trong các tháng cao điểm.



PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và thị trường năng lượng toàn cầu đang có nhiều biến động phức tạp, Petrovietnam cần chủ động điều chỉnh chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và nắm bắt các cơ hội phát triển.

Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho Petrovietnam, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:

- Petrovietnam cần tiếp tục đẩy mạnh phát triển chuỗi giá trị khí - điện - LNG nhằm đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng tăng của nền kinh tế. Trong bối cảnh nhu cầu điện được dự báo tăng mạnh giai đoạn 2026-2030, việc đầu tư các dự án điện khí và hạ tầng LNG sẽ giúp tập đoàn nâng cao vai trò trong đảm bảo an ninh năng lượng.
- Tăng cường hoạt động tìm kiếm - thăm dò và khai thác dầu khí tại các khu vực tiềm năng trong nước và khu vực. Điều này giúp đảm bảo nguồn tài nguyên dài hạn, duy trì sản lượng ổn định và củng cố nguồn thu chủ lực của tập đoàn.
- Petrovietnam nên tận dụng xu hướng dòng vốn FDI vào lĩnh vực năng lượng để mở rộng hợp tác với các tập đoàn quốc tế. Việc liên doanh, liên kết trong các dự án LNG, năng lượng tái tạo và công nghệ mới sẽ giúp nâng cao năng lực tài chính, công nghệ và quản trị.
- Đẩy mạnh tối ưu hóa vận hành và quản trị chi phí trong toàn bộ chuỗi hoạt động (lọc hóa dầu, điện, khí). Đồng thời, việc ứng dụng chuyển đổi số và công nghệ trong quản lý vận hành sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Trong bối cảnh giá năng lượng biến động mạnh, Petrovietnam cần nâng cao năng lực dự báo thị trường và quản trị rủi ro. Việc xây dựng các kịch bản kinh doanh linh hoạt sẽ giúp tập đoàn chủ động ứng phó và tối ưu hóa lợi nhuận.
- Petrovietnam cần tiếp tục phát huy vai trò doanh nghiệp trụ cột trong ngành năng lượng, tăng cường phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong hoạch định và triển khai chính sách năng lượng, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và phát triển kinh tế bền vững.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 04/2026

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 03 NĂM 2026

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 03 năm 2026	3 tháng đầu năm 2026	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a	-	-	-	107,83	-
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	-	118,8	106,9	109,0	-
3 Hoạt động của doanh nghiệp								
3.1	Thành lập mới	DN	21.951	96.038	194,1	140,5	131,7	-
3.2	Quay lại hoạt động	DN	38.616		128,3	86,7		-
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN	-	91.808	-	-	116,5	-
	- <i>Ngừng kinh doanh có thời hạn</i>	DN	5.059	63.469	118,8	115,2	103,3	-
	- <i>Chờ làm thủ tục giải thể</i>	DN	6.304	16.662	180,5	128,7	144,9	-
	- <i>Hoàn tất giải thể</i>	DN	3.818	11.717	116,0	178,8	198,8	-
4 Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội Nghìn tỷ								
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	49,7	133,2	-	127,8	112,1	-
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	10,23	-	-	106,4	-
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	744,7	-	-	110,7	-
5 Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng Nghìn tỷ								
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa Tỷ USD							
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	93,55	122,93	140,3	120,1	119,1	-
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	47,11	126,57	138,2	127,8	127,0	-
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 46,44	Nhập siêu 3,64	-	-	-	-
7 Chỉ số giá								
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				101,23	104,65	103,51	102,44
7.2	Chỉ số giá vàng				101,54	182,77	182,70	118,81
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,72	102,25	102,58	99,53
7.4	Lạm phát cơ bản				100,47	103,96	103,63	-

A: Tháng 03/2026 so với tháng 02/2026

B: Tháng 03/2026 so với tháng 03/2025

C: Bình quân 3 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ

D: Tháng 03/2026 so với tháng 12/2025



Ảnh bìa: Giá dầu thô đã tăng hơn 50%
trong vòng một tháng.

 Freepik



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện